

PHẬT BẢN HẠNH TẬP KINH Q 001

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiến Trần
Tiên Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huề dịch tiếng Việt 1/2012.

Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 190 佛本行集經, CBETA
Chinese Electronic Tripitaka V1.44, Normalized
Version.

Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 190 Phật Bản Hạnh Tập
Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.44,
Normalized Version.

No. 190

南無阿彌陀佛。

Nam-mô A Di Đà Phật.

誦念佛本行集經三藏大乘經。

Tụng niệm Phật bản Hạnh tập Kinh, Tam Tạng Đại
Thừa Kinh.

香讚。

Hương tán.

Ca ngợi hương.

爐香乍熱。法界蒙薰。諸佛海會悉遙聞。

Lô hương sạ nhiệt. Pháp giới môn huân. Chư Phật hải hội tất dao văn.

Lư hương vừa đốt. Cõi Pháp thêm thơm. Các Phật các hội từ xa đều biết.

隨處結祥雲。誠意方殷。諸佛現全身。

Tùy xứ kết tường vân. Thành ý phương ân. Chư Phật hiện toàn thân.

Tùy xứ kết mây lành. Thành ý ân sâu. Các Phật hiện toàn thân.

南無香雲蓋菩薩摩訶薩。

Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát Ma-ha-tát.

戒香定香與慧香。解脫解脫知見香。

Giới hương Định hương dữ Tuệ hương. Giải thoát giải thoát Tri-kiến hương.

Hương Giới, hương Định và hương Tuệ. Hương Giải thoát, Giải thoát Thấy biết.

光明雲臺遍法界。供養十方三寶前。

Quang minh Vân đài biến Pháp giới. Cúng dường Thập phương Tam-bảo tiền.

Đài quang chiếu sáng khắp Pháp giới. Cúng dường trước Tam Bảo Mười phương.

南無香供養菩薩摩訶薩。

Nam-mô Hương cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát.

一心頂禮盡虛空遍法界十方三世一切常住三寶。

Nhất tâm đỉnh lễ Tận hư không biến Pháp giới Thập Phương Tam thể nhất thiết Thường Trụ Tam Bảo.

讚佛揭。

Tán Phật kệ.

Bài kệ ca ngợi Phật.

如來妙色身。世間無與等。無比不思議。是故今頂禮。

Như Lai diệu sắc thân. Thế gian vô dũ đẳng. Vô tỉ bất tư nghị. Thị cố kim đỉnh lễ.

Thân Như Lai diệu sắc. Thế gian không sánh bằng. Không suy bàn tính toán. Vì thế nay đỉnh lễ.

如來色無盡。智慧亦復然。一切法常住。是故我皈衣。

Như Lai sắc vô tận. Trí tuệ diệt phục nhiên. Nhất thiết Pháp thường trụ. Thị cố Ngã Quy-y.

Thân Như Lai vô tận. Trí tuệ cũng như thế. Tất cả Pháp thường trụ. Vì thế con Quy y.

大智大願力 。 普度於眾生 。 令舍熱惱身 。
生彼清涼國 。

Đại trí đại nguyện lực. Phổ độ ư chúng sinh. Linh xả
nhiệt não thân. Sinh bỉ thanh lương quốc.

Trí lớn lực nguyện lớn. Cứu độ khắp chúng sinh. Giúp
bỏ thân phiền não. Sinh về Nước sạch mát.

我今淨三業 。 皈依及禮讚 。 願共諸眾生 。
同生安樂刹 。

Ngã kim tịnh Tam-nghiệp. Quy-y cập lễ tán. Nguyện
cộng chư chúng sinh. Đồng sinh An lạc sát.

Con nay ba Nghiệp sạch. Đi theo lễ ca ngợi. Nguyện
cùng các chúng sinh. Cùng sinh nước An lạc.

唵 。 怕日囉勿 。

Yểm. Phạ nhật la vật.

天上天下無如佛 。 十方三世亦無比 。

Thiên thượng Thiên hạ vô như Phật. Thập phương Thế
giới diệc vô tỉ.

Trên Trời dưới đất thua kém Phật. Mười phương Thế
giới cũng không bằng.

世間所有我盡見 。 一切無有如佛者 。

Thế gian sở hữu Ngã tận kiến. Nhất thiết vô hữu như
Phật Giả.

Con thấy hết Có của Thế gian. Tất cả không Có như Phật Giả.

一心頂禮本師釋迦牟尼佛。

Nhất tâm đảnh lễ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

一心頂禮極樂世界阿彌陀佛。

Nhất tâm đảnh lễ Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật.

一心頂禮藥師瑠璃光王佛。

Nhất tâm đảnh lễ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật.

一心頂禮當來下生彌勒尊佛。

Nhất tâm đảnh lễ Đương Lai Hạ Sinh Di Lặc Tôn Phật.

一心頂禮七佛及五十三佛。

Nhất tâm đảnh lễ Thất Phật cập Ngũ thập tam Phật.

Nhất tâm đảnh lễ 7 Phật cùng với 53 Phật.

一心頂禮三十五佛。

Nhất tâm đảnh lễ Tam thập ngũ Phật.

Nhất tâm đảnh lễ 35 Phật.

一心頂禮十方現在百佛。

Nhất tâm đảnh lễ Thập phương Hiện-tại bách Phật.

Nhất tâm đảnh lễ một trăm Phật Hiện tại 10 phương.

一心頂禮賢劫千佛。

Nhất tâm đảnh lễ Hiền Kiếp Thiên Phật.

Nhất tâm đảnh lễ nghìn Phật Kiếp Hiền.

一心頂禮過去莊嚴劫千佛。

Nhất tâm đĩnh lễ Quá-khứ Trang Nghiêm Kiếp thiên Phật.

Nhất tâm đĩnh lễ nghìn Phật Quá khứ Kiếp Trang Nghiêm.

一心頂禮現在賢劫千佛。

Nhất tâm đĩnh lễ Hiện-tại Hiền Kiếp thiên Phật.

Nhất tâm đĩnh lễ nghìn Phật Hiện tại Kiếp Hiền.

一心頂禮未來星宿劫千佛。

Nhất tâm đĩnh lễ Vị-lai Tinh Tú Kiếp thiên Phật.

Nhất tâm đĩnh lễ nghìn Phật Tương lai Kiếp Tinh Tú.

一心頂禮十方現在千五百佛。

Thập phương Hiện-tại thiên ngũ bách Phật.

Nhất tâm đĩnh lễ 1 nghìn 5 trăm Phật Hiện tại 10 phương.

一心頂禮五千五百佛。

Nhất tâm đĩnh lễ ngũ thiên ngũ bách Phật.

Nhất tâm đĩnh lễ 5 nghìn 5 trăm Phật.

一心頂禮九九百千萬億那由他恒河沙等諸佛。

Nhất tâm đĩnh lễ Cửu thập cửu bách thiên vạn ức Na-do-tha Hằng-hà-sa đẳng chư Phật.

Nhất tâm đĩnh lễ Chín mươi chín trăm nghìn vạn trăm triệu Na-do-tha Hằng-hà-sa đẳng các Phật.

一心頂禮十方三世一切諸佛 。

Nhất tâm đĩnh lễ Thập phương Tam-thế nhất thiết chư Phật.

Nhất tâm đĩnh lễ Mười phương Ba đời tất cả các Phật.

一心頂禮十二部大藏經 。

Nhất tâm đĩnh lễ Thập nhị Bộ Đại Tạng Kinh.

Nhất tâm đĩnh lễ 12 Bộ Kinh Đại Tạng.

一心頂禮三藏大乘經 。

Nhất tâm đĩnh lễ Tam Tạng Đại Thừa Kinh.

Nhất tâm đĩnh lễ Ba Tạng Kinh Đại Thừa.

一心頂禮佛本行集經妙法蓮華經及與餘經等 。

Nhất tâm đĩnh lễ Phật bản hạnh tập Kinh Diệu Pháp Liên hoa Kinh cập dữ dư Kinh đẳng.

Nhất tâm đĩnh lễ Tập Kinh Hạnh gốc của Phật, Kinh Diệu Pháp Liên hoa cùng với các Kinh khác.

一心頂禮大悲觀世音菩薩 。

Nhất tâm đĩnh lễ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát.

一心頂禮大力大勢至菩薩 。

Nhất tâm đĩnh lễ Đại Lực Đại Thế Chí Bồ Tát.

一心頂禮大智文殊師利菩薩 。

Nhất tâm đĩnh lễ Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

一心頂禮大行普賢菩薩 。

Nhất tâm đĩnh lễ Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.

一心頂禮大願地藏王菩薩。

Nhất tâm đĩnh lễ Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát.

一心頂禮清淨大海眾菩薩。

Nhất tâm đĩnh lễ Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

一心頂禮聲聞緣一切覺賢聖僧。

Nhất tâm đĩnh lễ Thanh-văn Duyên-giác nhất thiết
Hiền Thánh Tăng.

Nhất tâm đĩnh lễ Thanh Văn Duyên Giác tất cả Hiền
Thánh Tăng.

開經揭。

Khai Kinh kệ.

Bài kệ mở Kinh.

無上甚深微妙法。百千萬劫難遭遇。

Vô Thượng thậm thâm vi diệu Pháp. Bách thiên vạn
Kiếp nan tao ngộ.

Pháp Bình Đẳng thâm sâu mầu nhiệm. Trăm nghìn vạn
Kiếp khó gặp được.

我今見聞得受持。願解如來真實義。

Ngã kim kiến văn đắc thụ trì. Nguyên giải Như Lai
chân thực nghĩa.

Con nay nghe thấy liền ghi nhớ. Nguyên hiểu nghĩa
chân thực của Phật.

淨口業真言。

Tịnh Khẩu-nghiệp chân ngôn.

唵 。 修唎修唎 。 摩訶修唎 。 修修唎 。 薩婆訶 。

Yểm. Tu lị tu lị. Ma ha tu lị. Tu tu lị. Tát bà ha.

淨身業真言 。

Tịnh Thân-nghiệp chân ngôn.

唵 。 修哆唎 。 修哆唎 。 修摩唎 。 修摩唎 。 薩婆訶 。

Yểm. Tu đa lị Tu đa lị. Tu ma lị. Tu ma lị. Tát bà ha.

淨意業真言 。

Tịnh Ý-nghiệp chân ngôn :

唵 。 [口*縛] 日囉怛訶賀斛 。

Yểm. Phục nhật la đát ha hạ hộc.

淨三業真言 。

Tịnh Tam-nghiệp chân ngôn.

唵 。 娑[口*縛] 。 娑[口*縛] 。 秣 馱 娑[口*縛] 。

達摩娑[口*縛] 。 婆[口*縛] 秣 度憾 。

Yểm. Sa phục. Sa phục. Thuật đà sa phục. Đát ma

sa phục. Bà phục thuật độ hám.

安土地真言 。

An thổ địa chân ngôn :

南無三滿哆沒馱喃 。 唵 。 度嚕度嚕 ， 地尾 ， 薩婆訶

。

Nam mô tam mãn đa một đà nam. Yểm. Độ lỗ độ lỗ, địa vĩ, tát bà ha.

普供養真言。

Phổ cúng dưỡng chân ngôn.

唵。[言我][言我]嚩三婆[口*縛]伐日囉斛。

Yểm. Nga nga năng tam bà phược, phạt nhật la hộc.

懺悔文。

Sám hối văn.

Bài văn sám hối.

我第子至心懺

悔。自從無始至於今日。未識佛時。未聞法時未。遇僧時。

Ngã Đệ-tử ... chí tâm sám hối. Tự tòng vô thủy chí ư kim nhật. Vị thức Phật thời. Vị văn Pháp thời. Vị ngộ Tăng thời.

Con đệ tử thành tâm sám hối. Từ xa xưa tới nay tới ngày hôm nay. Khi chưa nhận biết được Phật. Khi chưa được nghe Pháp. Khi chưa gặp được Tăng.

不知善惡，不信因果，遇不善緣，近惡知識，動身口意，無惡不爲。

Bất tri Thiện-ác, bất tín Nhân-quả, ngộ bất Thiện-duyên, cận ác Tri-thức, động thân khẩu ý, vô ác bất vi.

Không biết Thiện ác, không tin Nhân quả, gặp các Duyên ác, gần Tri thức ác, Thân Miệng Ý mạnh động, ác nào cũng làm.

身業不善行殺盜婬。口業不善妄言綺語惡口兩舌。

Thân-nghiệp bất thiện hành Sát-Đạo-Dâm. Khẩu-nghiệp bất thiện vọng ngôn ỷ ngữ ác khẩu lưỡng thiệt. Nghiệp Thân không thiện thực hành giết hại, trộm cướp, dâm dục. Nghiệp Miệng không thiện nói dối, nói cường điệu xuyên tạc, nói ác, nói hai lời.

意業不善起貪瞋癡。殺父殺母殺阿羅漢。破和合僧，出佛身血。

Ý-nghiệp bất thiện khởi Tham-Sân-Si. Sát phụ sát mẫu sát A-la-hán. Phá hòa hợp Tăng, xuất Phật thân huyết. Nghiệp Ý không thiện phát khởi Tham lam, Thù hận, Ngu si. Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán. Phá sự hòa hợp của chúng Tăng, chia rẽ rời bỏ Phật.

焚燒塔寺誹謗大乘。侵損常住污梵誣僧。犯諸禁戒。

Phân thiêu Tháp-Tự, phỉ báng Đại-thừa. Xâm tổn Thường-trụ, ô phạm vu Tăng. Phạm chư cấm Giới.

Đốt thiêu Chùa Tháp, phỉ báng Kinh Đại Thừa. Xâm hại Thường trụ, ô ố nơi Thanh tịnh, vu khống Tăng. Phạm vào các Giới cấm.

作不律儀自作教他見聞隨喜。如是罪無量無邊。今日披陳發露懺悔。

Tác bất luật nghi, tự tác giáo tha, kiến văn tùy hỷ. Như thị đẳng tội vô lượng vô biên. Kim nhật phi trần phát lộ sám hối.

Làm không theo luật nghi thức, tự làm dạy người khác làm, nghe thấy vui theo. Các tội như thế là vô lượng vô biên. Ngày nay giải bày thổ lộ ra sám hối.

惟願三寶同賜哀憐。令我罪根一念霜融悉皆清淨。

Duy nguyện Tam-Bảo đồng tứ ai lân. Linh Ngã tội Căn nhất niệm sương dung, tất giai Thanh tịnh.

Chỉ mong Phật Pháp Tăng cùng ban cho thương cảm.

Giúp cho các Căn tội Nghiệp của con, một nhớ đọc sương mù tan, tất cả đều Thanh tịnh.

五十三佛過去真慈。三千諸佛轉聞持。次第得菩提。

我今皈依唯願度群迷。

Tam thập ngũ Phật Quá-khứ chân Từ. Tam thiên chư Phật chuyển văn trì. Thứ đệ đắc Bồ-đề. Ngã kim Quy-y duy nguyện độ quần mê.

53 Phật Quá khứ thực chân Từ. Ba nghìn các Phật truyền nhau nghe giữ. Lần lượt được Bồ Đề. Con nay Quy y chỉ nguyện cứu Chúng mê muội.

三十五佛現世慈尊。十方法界轉慈們。處處攝迷輪。
懺除罪根悉令證真原。

Tam thập ngũ Phật hiện thế Từ tôn. Thập phương
Pháp-giới chuyển Từ môn. Xứ xứ nhiếp mê luân. Sám
trừ tội Căn tất linh chứng chân nguyên.

35 Phật hiện tại Từ tôn kính. Mười phương Pháp Giới
chuyển môn Từ. Khắp nơi thu hút vòng mê muội. Sám
trừ Căn tội đều giúp cho chứng được gốc chân chính.

南無求懺悔菩薩摩訶薩。

Nam-mô Cầu sám hối Bồ-tát Ma-ha-tát.

迴向懺願。

Hồi hướng sám nguyện.

Sám hối nguyện hồi hướng.

志心懺悔。我弟子眾等。從無始以來。迷失
真心。流轉生死。六根罪障。

Chí tâm sám hối. Ngã Đệ-tử chúng đấng. Tòng vô thủy
dĩ lai. Mê thất chân tâm. Lưu chuyển sinh tử. Lục Căn
tội chướng.

Chí tâm sám hối. Con đệ tử tất cả chúng sinh. Từ xa
xưa tới nay. Mê muội mất chân tâm. Luân chuyển theo
sinh chết. Sáu Căn tội chướng.

無量無邊。園妙佛乘。無以開解。一切所願
。不得現前。

Vô lượng vô biên. Viên Diệu Phật Thừa. Vô dĩ khai giải.
Nhất thiết sở nguyện. Bất đắc hiện tiền.

Vô lượng vô biên. Bạc Phật màu nhiệm. Không dùng
soi tỏ. Tất cả điều nguyện. Chưa được hiện ra.

我等今禮敬受持諷讀

誦。佛本行集經。妙法蓮華經。三藏大乘經。及與餘
經等。

Ngã đẳng kim lễ kính. Thụ trì phúng đọc tụng. Phật
bản Hạnh tập Kinh. Diệu Pháp Liên hoa Kinh. Tam
Tạng Đại Thừa Kinh. Cập dữ dư Kinh đẳng.

Nay chúng con lễ kính. Nhận giữ đọc tụng. Tập Kinh
Hạnh gốc của Phật. Kinh Diệu Pháp Liên hoa. Ba Tạng
Kinh Đại Thừa. Cùng với các Kinh khác.

以此善根。發露黑惡。過現未來。三業所
造。

Dĩ thử thiện Căn. Phát lộ hắc ác. Quá-Hiện-Vị lai.
Tam-nghiệp sở tạo.

Dùng Căn thiện này. Bóc mở tối ác. Quá khứ, Hiện tại,
Tương lai. Ba Nghiệp có làm.

無邊重罪。皆得消滅。身心清淨。惑障蠲
除。福智莊嚴。

Vô biên trọng tội. Giai đắc tiêu diệt. Thân tâm Thanh

tịnh. Hoặc Chướng quyên trừ. Phúc Trí trang nghiêm.
Vô biên tội nặng. Đều được tiêu diệt. Thân tâm Thanh
tịnh. Hoặc Chướng trừ bỏ. Phúc Trí trang nghiêm.

淨因增長。自他行願。速得園成。願諸如
來。常在說法。所有功德。

Tịnh nhân tăng trưởng. Tự tha Hạnh nguyện. Tốc đắc
viên thành. Nguyện chư Như Lai. Thường tại thuyết
Pháp. Sở hữu công Đức.

Tăng nhiều nhân Tịnh. Các Hạnh nguyện khác. Nhanh
chóng thành công. Nguyện các Như Lai. Thường sống
nói Pháp. Có được công Đức.

起隨喜心。回向菩提。證常樂果。命終
之日。正念現前。面見彌陀。

Khởi tùy hỷ tâm. Hồi hướng Bồ Đề. Chứng Thường Lạc
quả. Mệnh chung chi nhật. Chính Niệm hiện tiền. Diện
kiến Di Đà.

Tâm sinh vui theo. Hồi hướng Bồ Đề. Luôn được vui
vẻ. Sắp gần ngày chết. Nhớ đúng hiện ra. Gặp thấy Di
Đà.

及諸聖眾。一剎那頃。生蓮華中。普願眾
生。俱成佛道。

Cập chư Thánh chúng. Nhất sát na khoảnh. Sinh Liên-
hoa trung. Phổ nguyện chúng sinh. Câu thành Phật

Đạo.

Cùng với các Thánh. Chỉ trong giây phút. Sinh trong Hoa Sen. Nguyên các chúng sinh. Đều thành Đạo Phật.

懺悔發願已。歸命禮三寶。

Sám hối phát nguyện dĩ. Quy mệnh lễ Tam-Bảo.

Sám hối phát nguyện xong. Trở về nương theo lễ Phật Pháp Tăng.

願若未懺者，得此懺已，

皆得滅罪。願三四五六惡道之罪皆悉盡消除。

Nguyện nhược vị sám giả, đắc thử sám dĩ, giai đắc diệt tội. Nguyên Tam-tứ-ngũ-lục ác Đạo chi tội giai tất tận tiêu trừ.

Nguyện nếu người chưa sám hối, được sám hối này, cũng đều được diệt tội. Nguyên tội của 3, 4, 5, 6 Đạo ác, đều tiêu trừ hết tất cả.

我若向刀山，刀山自摧折。我若向火湯，

火湯自消滅。

Ngã nhược hướng đao sơn, đao sơn tự tồi chiết. Ngã nhược hướng hỏa thang, hỏa thang tự tiêu diệt.

Nếu con hồi hướng về phía núi đao, núi đao tự bể gãy.

Nếu con hồi hướng về phía vạc dầu, vạc dầu tự tiêu diệt.

我若向地獄，地獄自枯竭。我若向餓鬼，
餓鬼自飽滿。

Ngã nhược hướng Địa ngục, Địa ngục tự khô kiệt. Ngã
nhược hướng Ngạ quỷ, Ngạ quỷ tự bão mãn .

Nếu con hồi hướng về nơi Địa ngục, Địa ngục tự khô
héo. Nếu con hồi hướng về phía Quỷ đói, Quỷ đói tự
nhiên được no đủ.

我若向修羅，惡心自調伏。我若向畜生，
自得大智慧。

Ngã nhược hướng Tu-la, ác tâm tự điều phục. Ngã
nhược hướng súc sinh, tự đắc đại Trí tuệ.

Nếu con hồi hướng về phía Tu La, tâm ác tự điều
phục. Nếu con hồi hướng về phía súc sinh, tự được Trí
tuệ lớn.

懺悔揭。

Sám hối kệ.

Bài kệ Sám hối.

往昔所造諸惡業。皆由無始貪瞋癡。

Vãng tích sở tạo chư ác Nghiệp. Giai do vô thủy Tham
Sân Si.

Xa xưa tạo thành các Nghiệp ác. Do Tham Sân Si có từ
lâu.

從身口意之所生。今對佛前求懺悔。

Tòng thân khẩu ý chi sở sinh. Kim đối Phật tiền cầu Sám hối.

Được sinh ra theo Thân Khẩu Ý. Nay ở trước Phật xin Sám hối.

罪從心起相心懺。心若滅時罪亦亡。

Tội tòng tâm khởi tương tâm Sám. Tâm nhược diệt thời tội diệt vong.

Sám hối tội lỗi do Tâm tạo. Tội cũng mất khi mà Tâm mất.

心滅罪亡兩句空。是則為名真懺悔。

Tâm diệt tội vong lưỡng câu Không. Thị tắc vi danh chân Sám-hối.

Tâm Tội mất hết hai đều Rỗng. Mới là chân thực việc Sám hối.

我弟子眾等諷誦大乘經咒。及禮佛念佛供佛公德。

Ngã Đệ-tử chúng đảnh phúng tụng Đại Thừa Kinh-chú. Cập lễ Phật niệm Phật cúng Phật công Đức.

Con Đệ Tử chúng sinh... đọc to, tụng Kinh Chú Đại Thừa. Cùng với công Đức lễ Phật nhớ Phật cúng Phật.

專為四方莊嚴淨土。願無始以來一切怨身。

Chuyên vì hồi hướng Tây phương trang nghiêm Tịnh độ. Nguyện vô thủy dĩ lai nhất thiết oán thân.

Chuyên vì hồi hướng Đất Phật trang nghiêm Tây phương. Nguyên tất cả oán thân từ xa xưa đến nay.

七祖九弦今生多生師僧父母 。

廣及十方法界一切眾生 。

Thất tổ cứu huyền kim sinh đa sinh Sư Tăng Phụ mẫu. Quảng cập Thập phương Pháp giới nhất thiết chúng sinh.

Bảy tổ 9 ngành, Thầy Tăng Cha mẹ nay sinh nhiều lần sinh. Rộng khắp cùng với 10 phương tất cả chúng sinh.

善惡知識八難三途。草木昆蟲，卵胎濕化 。

Thiện ác Tri thức bát nạn Tam-đồ. Thảo mộc côn trùng noãn thai thấp hóa.

Tri thức thiện ác, 8 nạn, Địa ngục Quỷ đói Súc sinh. Cây cỏ côn trùng, sinh từ trứng, bào thai, ẩm thấp, biến hóa.

惑誤刹犯刹一切萬類 。

願解諸一切冤牽 。

Hoặc ngộ sát phạm sát nhất thiết vạn loại. Nguyên giải chư nhất thiết oan khiên.

Hoặc là lỡ sát hại, cố tình sát hại tất cả vạn loại.

Nguyên tháo bỏ tất cả các oan khiên.

願消一切諸罪業 。

同證大菩提，同生極樂國 。

Nguyên tiêu nhất thiết chư tội Nghiệp. Đồng chứng Đại Bồ-đề, đồng sinh Cực-lạc quốc.

Nguyên tiêu tan tất cả các Nghiệp tội. Cùng chứng Đại Bồ Đề cùng sinh nước Cực lạc.

南無娑婆教主本師釋迦牟尼佛 。

Nam-mô Sa Bà Giáo chủ Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

南無西方極樂世界大慈大悲接引導師阿彌陀佛。

Nam-mô Tây phương Cực-lạc Thế-giới Đại Từ Đại Bi, Tiếp Dẫn Đạo-sư A Di Đà Phật.

南無蓮池海會觀世音大勢至清淨大海眾菩薩摩訶薩。

Nam-mô Liên-trì hải hội Quan-thế-âm, Đại-thế-chí Thanh tịnh đại Hải chúng Bồ-tát Ma-ha-tát.

南無幽冥教主本尊地藏王菩薩摩訶薩。

Nam-mô U-minh Giáo chủ Bản tôn Địa-tạng Vương Bồ-tát Ma-ha-tát.

稽首四方安樂國。接引眾生大導師。

Khể thủ Tây Phương An Lạc quốc. Tiếp Dẫn chúng sinh Đại Đạo-sư.

Phục lễ Tây Phương nước An Lạc. Tiếp Dẫn chúng sinh Đại Đạo Sư.

我今發願願往生。唯願慈悲哀攝受。

Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sinh. Duy nguyện Từ Bi ai nhiếp thụ.

Nay Con phát nguyện nguyện vãng sinh. Xin nguyện xót thương tiếp nhận.

三皈依。

Tam Quy-y.

Ba Trở về nương theo.

自皈依佛，當願眾生。體解大道，發無上心。

Tự Quy-y Phật, đương nguyện chúng sinh. Thể giải Đại Đạo, phát Vô-thượng tâm.

Tự Quy y Phật, đương nguyện chúng sinh. Hiểu rõ Đạo Lớn, phát tâm Bình Đẳng.

自皈依法，當願眾生。深入經藏智慧如海。

Tự Quy-y Pháp, đương nguyện chúng sinh. Thâm nhập Kinh Tạng, Trí tuệ như hải.

Tự Quy y Pháp, đương nguyện chúng sinh. Thâm nhập Kinh Tạng, Trí Tuệ như biển.

自皈依僧，當願眾生。統理大眾一切無礙。

Tự Quy-y Tăng, đương nguyện chúng sinh. Thống lý Đại Chúng, nhất thiết vô ngại.

Tự Quy y Tăng, đương nguyện chúng sinh. Hướng dẫn Đại Chúng, tất cả không trở ngại.

和南聖眾。

Hoà nam Thánh chúng.

Hoà cùng các Thánh.

禮佛經功德殊勝。無邊勝福皆回向。普法界願諸眾生。

Lễ Phật-Kinh Công Đức thù thắng. Vô biên thắng Phúc giai hồi hướng. Phổ nguyện Pháp giới chư chúng sinh.

Lễ Phật, Kinh Công Đức đặc biệt. Được Phúc vô biên
đều hồi hướng. Nguyên các chúng sinh khắp Pháp giới.
普願沉溺諸眾生。速往無量光佛刹。十
方三世一切佛。

Phổ nguyện trăm nịch chư chúng sinh. Tốc vãng Vô
Lượng Quang Phật sát. Thập phương Tam-thế nhất
thiết Phật.

Nguyện khắp chúng sinh đang trầm luân. Nhanh tới
đất Phật Vô Lượng Quang. Mười phương Ba Đồi tất
cả Phật.

一切菩薩摩訶薩。文殊、普賢、觀自在。摩訶
般若波羅密。

Nhất thiết Bồ-tát Ma Ha Tát. Văn Thù-Phổ Hiền-Quan
Tự Tại. Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật.

Tất cả Bồ Tát Đại Bồ Tát. Văn Thù, Phổ Hiền, Quan
Thế Âm. Trí Tuệ Lớn tới Niết Bàn.

稽首三界尊。歸命十方佛。我今發弘願。

Khể thủ Tam Giới Tôn. Quy mệnh Thập phương Phật.

Ngã kim phát hoàng nguyện.

Phục lễ Tam Giới Tôn. Qui mệnh Mười Phương Phật.

Con nay phát Nguyện lớn.

持此佛本行集經。三藏大乘經。上報四重恩。

下濟三塗苦。

Trì thủ Phật bản Hạnh tập Kinh. Tam Tạng Đại Thừa Kinh. Thượng báo Tứ Trọng Ân. Hạ tế Tam Đồ Khổ. Giữ Tập Kinh Hạnh gốc của Phật này. Ba Tạng Kinh Đại Thừa. Trên báo Bốn Ân nặng. Dưới cứu Ba Đường Khổ.

若有見聞者,悉發菩提心。盡此一報身,同生極樂國。

Nhược hữu kiến văn giả. Tất phát Bồ Đề tâm. Tận thủ nhất báo thân. Đồng sinh Cực-lạc quốc.

Nếu có người nghe thấy. Biết phát tâm Bồ Đề. Cuối hết báo thân này. Cùng sinh nước Cực Lạc.

自皈依佛,兩足尊。自皈依法,離欲尊。自皈依僧,眾中尊。

Tự Quy-y Phật, lưỡng túc Tôn. Tự Quy-y Pháp, ly Dục Tôn. Tự Quy-y Tăng, Chúng trung Tôn.

Tự Quy y Phật, đủ Phúc Đức Trí Tuệ. Tự Quy y Pháp, ly rời Dục. Tự Quy y Tăng, thành người tôn kính.

自皈依佛,不墮地獄。自皈依法,不墮餓鬼。自皈依僧,不墮畜生。

Tự Quy-y Phật, bất đoạ Địa-ngục. Tự Quy-y Pháp bất đoạ Ngạ-quỷ. Tự Quy-y Tăng bất đoạ Súc-sinh.

Tự Quy y Phật, không đoạ Địa ngục. Tự Quy y Pháp, không đoạ Quỷ đói. Tự Quy y Tăng, không đoạ Súc sinh.

南無西方極樂世界。三十六萬億。一十一萬。九千五百。同名同號。大慈大悲。接引導師阿彌陀佛。

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Tam Thập Lục Vạn Ưc. Nhất Thập Nhất Vạn. Cửu Thiên Ngũ Bách. Đồng Danh Đồng Hiệu. Đại Từ Đại Bi. Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

眾生無邊誓願度。煩惱無盡誓願斷。法門無量誓願學。佛道無上誓願成。

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Phật Đạo Vô-thượng thệ nguyện thành.

Thệ nguyện độ vô biên Chúng sinh. Thệ nguyện đoạn tất cả Phiền não. Thệ nguyện học vô lượng môn Pháp. Thệ nguyện thành Đạo Phật Bình Đẳng.

自性眾生誓願度。自性煩惱誓願斷。自性法門誓願學。自性佛道誓願成。

Tự Tính chúng sinh thệ nguyện độ. Tự Tính phiền não thệ nguyện đoạn. Tự Tính Pháp Môn thệ nguyện học. Tự Tính Phật đạo thệ nguyện thành.

Thệ nguyện độ Tự Tính chúng sinh. Thệ nguyện đoạn Tự Tính Phiền não. Thệ nguyện học Tự Tính các Pháp. Thệ nguyện thành Tự Tính Đạo Phật.

願消三障諸煩惱。願得智慧真明了。普願災障悉消除。世世常行菩薩道。

Nguyện tiêu Tam-chương chư Phiền não. Nguyện đắc Trí Tuệ chân minh liễu. Phổ nguyện Tai Chương tất tiêu trừ. Thế thế thường hành Bồ-tát Đạo.

Nguyện tiêu Ba Chương và Phiền não. Nguyện được Trí Tuệ chân sáng tỏ. Nguyện mọi Tai Chương tiêu trừ hết. Đòi đòi thường hành Đạo Bồ Tát.

願生西方淨土中。九品蓮華爲父母。花開見佛悟無生。不退菩薩爲半侶。

Nguyện sinh Tây Phương Tịnh Độ trung. Cửu Phẩm Liên Hoa vi Phụ Mẫu. Hoa khai kiến Phật ngộ Vô-sinh. Bất-thoái Bồ-tát vi bạn hữu.

Nguyện sinh trong nước Cực Lạc. Chín Phẩm Đài Sen là Cha Mẹ. Hoa nở thấy Phật hiểu Không sinh. Bồ Tát Không lui là Chúng bạn.

願以此功德。消除宿現業。增長諸福慧。

Nguyện dĩ thử công đức. Tiêu trừ tức hiện Nghiệp.
Tăng trưởng chư Phúc Tuệ.

Nguyện đem Công Đức này. Tiêu trừ Nghiệp trước
nay. Tăng thêm các Phúc Tuệ.

園成勝善根。所有刀兵劫。及與飢饉等。

Viên thành thắng thiện Căn. Sở hữu đao binh Kiếp.
Cập dữ cơ cận đẳng.

Đầy đủ các Căn thiện. Nếu có Kiếp đao binh. Cùng với
Kiếp đói khổ.

皆悉盡消除。人各習禮讓。讀誦受持人。

Giai tất tận tiêu trừ. Nhân các tập lễ nhượng. Đọc tụng
thụ trì Nhân.

Đều được tiêu trừ hết. Người tập từng lễ nhĩn. Người
ghi nhớ đọc tụng.

展轉流通者。現眷咸安樂。先亡獲超升。

Triển chuyển lưu thông giả. Hiện quyến hàm an lạc.
Tiên vong hoạch siêu thăng.

Người phát triển lưu thông. Gia đình được an lạc.
Người mất được siêu thăng.

風雨常調順。人民悉康寧。法界諸含識。

Phong vũ thường điều thuận. Nhân dân tất khang ninh.
Pháp Giới chư hàm Thức.

Mưa gió thường hoà thuận. Nhân dân được an Khang.
Pháp Giới và các Thức.

同證無上道。

Đồng chứng Vô-thượng Đạo.

Cùng chứng Đạo Bình Đẳng.

願以此功德。莊嚴佛淨土。上報四重恩。

Nguyện dữ thử Công-đức. Trang nghiêm Phật Tịnh
Độ. Thượng báo Tứ Trọng Ân.

Nguyện đem Công Đức này. Trang nghiêm Đất Phật
Tịnh. Trên báo ân Trời Đất, ân Quốc Vương, ân Thầy,
ân Chúng sinh.

下濟三塗苦。若有見聞者。悉發菩提心。

Hạ tế Tam Đồ Khổ. Nhược hữu kiến văn giả. Tất phát
Bồ-đề tâm.

Dưới cứu Địa ngục, Quỷ đói, Súc sinh. Nếu có người
thấy nghe. Biết phát tâm Bồ Đề.

盡此一報身。同生極樂國。

Tận thử nhất báo thân. Đồng sinh Cực Lạc quốc.

Cuối hết báo thân này. Cùng sinh nước Cực Lạc.

十方三世一切佛。一切菩薩摩訶薩。摩訶般
若波羅密。

Thập Phương Tam-thế nhất thiết Phật. Nhất thiết Bồ-
tát Ma Ha Tát. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Mười phương Ba Đồi tất cả các Phật. Tất cả các Bồ Tát Đại Bồ Tát. Trí Tuệ Lớn tới Niết Bàn.

願以此功德。普及於一切。我等與眾生。皆共成佛道。

Nguyện dữ thử Công-đức. Phổ cập ư nhất thiết. Ngã đẳng dữ chúng sinh. Giai cộng thành Phật đạo.

Nguyện đem Công Đức này. Ban khắp cho tất cả. Chúng con và chúng sinh. Đều được thành Đạo Phật.

收經揭。

Thu Kinh kệ.

Bài kệ thu Kinh.

三涂永急常離苦。六趣休隨汨沒因。河沙含識悟真如。萬類有情登彼岸。

Tam-đồ vĩnh tức thường ly Khổ. Lục Thú hưu tùy Mịch một nhân. Hà sa hàm Thức ngộ Chân- như. Vạn loại Hữu-tình đăng bỉ Ngạn.

Ba Đường ác dứt thường hết Khổ. Sáu Đạo nơi nghỉ hết nổi chìm. Hà sa các Thức hiểu Chân Như. Vạn loại Có tình đều thành Phật.

南無阿彌陀佛。

Nam-mô A Di Đà Phật.

Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 190 佛本行集經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.44, Normalized Version.

Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 190 Phật Bản Hạnh Tập Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.44, Normalized Version.

No. 190

佛本行集經卷第一

Phật Bản Hạnh Tập Kinh quyển đệ nhất.
[Tập Kinh Hạnh gốc của Phật quyển 01.](#)

隋天竺三藏闍那崛多譯

Tùy Thiên-trúc Tam Tạng Xà-na-quật-đa dịch.

發心供養品第一

Phát tâm cúng dưỡng Phẩm đệ nhất.

[Phẩm thứ nhất Phát tâm cúng dưỡng.](#)

歸命大智海毗盧遮那佛。

Quy mệnh Đại Trí Hải Tì Lư Giá Na Phật.

[Trở về nương theo Tì Lư Giá Na Phật Trí tuệ rộng lớn như biển.](#)

如是我聞。一時婆伽婆住王舍城迦蘭陀烏竹林之內。
Như thị Ngã văn. Nhất thời Bà Già Bà trụ Vương-xá
thành Ca-lan-đà-điều trúc lâm chi nội.

Tôi nghe như thế. Một thời Phật ở bên trong rừng trúc
Ca Lan Đà Điều thành Vương Xá.

與大比丘僧五百人俱。爾時如來住於佛行。無復煩惱
。

Dữ đại Tì-kheo Tăng ngũ bách nhân câu. Nhĩ thời Như
Lai trụ ư Phật hạnh. Vô phục Phiền-não.

Cùng với Tì Kheo Tăng lớn 500 người cùng tham dự.
Khi đó Như Lai ở trong Hạnh của Phật. Phiền não
không quay trở lại.

故名耆那。得一切智。行一切智。知一切智。住於天
行。

Cố danh Kì-na. Đắc Nhất-thiết Trí. Hành Nhất-thiết
Trí. Tri Nhất-thiết Trí. Trụ ư Thiên-hạnh.

Tên cũ là Kì Na. Được Tất cả Trí tuệ. Thực hành Tất
cả Trí tuệ. Biết Tất cả Trí tuệ. Ở lại trong Hạnh của cõi
Trời.

住於梵行。住於聖行。心得自在。依諸世尊。欲行諸
行。悉皆得行。

Trụ ư Phạm-hạnh. Trụ ư Thánh-hạnh. Tâm đắc Tự-tại.
Y chư Thế Tôn. Dục hành chư Hạnh. Tất giai đắc
Hạnh.

Ở trong Hạnh Phạm. Ở trong Hạnh Thánh. Tâm được
tự do Tự tại. Dựa vào các Thế Tôn. Muốn thực hành
các Đức Hạnh. Tất cả đều được Đức Hạnh.

在於比丘及比丘尼。諸優婆塞及優婆夷四眾之中。受
大供養恭敬尊重。

Tại ư Tì-kheo cập Tì-kheo-ni. Chư Ưu-bà-tắc cập Ưu-
bà-di Tứ Chúng chi trung. Thụ đại cúng dưỡng, cung
kính tôn trọng.

Ở nơi Nam Tì Kheo cùng với Nữ Tì Kheo. Các Nam
Phật Tử cùng với Nữ Phật Tử ở trong 4 Chúng. Nhận
cúng dưỡng lớn, cung kính tôn trọng.

又諸國王大臣宰相。種種外道。及諸沙門婆羅門等。

Hựu chư Quốc-vương đại thần tể tướng. Chủng chủng
ngoại đạo cập chư Sa-môn Bà-la-môn đẳng.

Mới lại các Quốc Vương đại thần tể tướng. Đủ loại
ngoài Đạo cùng với các Sa Môn, Bà La Môn.

佛得如是種種利養飲食衣服床鋪湯藥。

Phật đắc như thị chủng chủng lợi dưỡng ẩm thực y
phục sàng phô thang dược.

Phật được đủ loại lợi dưỡng như thế, đồ ăn uống quần áo giường nằm thuốc uống.

四事充滿皆悉具足。最勝最妙無與等者。

Tứ-sự sung mãn giai tất cụ túc. Tối thắng tối diệu vô dũ đẳng giả.

Bốn Việc cúng dưỡng thỏa mãn, tất cả đều đầy đủ. Tốt nhất vi diệu nhất không ai sánh bằng.

智慧第一名稱遠聞。雖受利養而心無染。

Trí tuệ đệ nhất danh xưng viễn văn. Tuy thụ lợi dưỡng nhi tâm vô nhiễm.

Trí tuệ bậc nhất danh tiếng vang xa. Tuy nhận lợi dưỡng mà tâm không lây nhiễm.

猶如蓮華不著於水。世尊名號說法音聲。

Do như Liên-hoa bất trước ư thủy. Thế Tôn danh hiệu, thuyết Pháp âm thanh.

Giống như hoa Sen không nương nhờ trong nước. Tên hiệu của Thế Tôn, âm thanh nói Pháp.

於世間中最上最勝。更無過者。

Ư Thế-gian trung tối thượng tối thắng. Cánh vô quá giả.

Ở trong Thế gian là tối cao tốt nhất. Càng không có ai vượt hơn.

如是世尊多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。十號具足。

Như thị Thế Tôn Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà. Thập hiệu cụ túc.

Như thế Thế Tôn Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà. Đầy đủ 10 tên hiệu.

能於現在天魔梵釋沙門婆羅門等。

Năng ư Hiện-tại Thiên-Ma Phạm-Thích Sa-môn Bà-la-môn đẳng.

Có thể với Trời, Ma, Phạm Vương, Ngọc Hoàng, Sa Môn, Bà La Môn thời Hiện nay.

一切天人世間之中。神通遍知知已說法。行於世間。

Nhất thiết Thiên-nhân Thế-gian chi trung. Thần-thông biến tri, tri dĩ thuyết Pháp. Hành ư Thế-gian.

Tất cả người Trời ở trong Thế gian. Biết Thần thông biến ra khắp, đã biết nói Pháp. Thực hành ở Thế gian.

前後及中言語皆善。文義巧妙理趣精微。

Tiền hậu cập trung, ngôn ngữ giai thiện. Văn nghĩa xảo diệu, lý thú tinh vi.

Trước sau cùng với ở giữa, lời nói đều thiện. Nghĩa văn tinh xảo vi diệu, lý hướng tới tinh anh vi diệu.

相好莊嚴。具足無缺。清淨梵行。宣揚顯說。

Tướng-Hảo trang nghiêm cụ túc vô khuyết. Thanh tịnh Phạm-hạnh, tuyên dương hiển thuyết.

Tướng Hảo trang nghiêm đầy đủ không thiếu. Hạnh Phạm Thanh tịnh, đọc nói hiện ra rõ.

爾時尊者大目犍連。於晨朝時整衣持鉢。

Nhĩ thời Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên. Ư thần triều thời chỉnh y trì bát.

Khi đó Tôn giả Đại Mục Kiền Liên. Thời gian sáng sớm quần áo tề chỉnh cầm bát.

入王舍城欲行乞食。時目犍連獨立思惟。

Nhập Vương-xá thành dực hành khát thực. Thời Mục-kiền-liên độc lập tư duy.

Vào thành Vương Xá muốn đi xin cơm. Khi đó Mục Kiền Liên một mình đứng tự suy nghĩ.

今日晨朝乞食尚早。我今先當至淨居天。

Kim nhật thần triều khát thực thượng tảo. Ngã kim tiên đương chí Tịnh-cư Thiên.

Sáng hôm nay đi xin ăn còn quá sớm. Hôm nay trước tiên ta cần đi tới Trời Tịnh Cư.

尊者目連。作是念已。譬如力士屈伸臂頃。

Tôn-giả Mục-liên tác thị niệm dĩ. Thí như Lục-sĩ khuất thân tý khoảnh.

Tôn giả Mục Liên làm suy nghĩ đó xong. Ví như Lục Sĩ duỗi thẳng tay chân.

從王舍城沒身不現。至於淨居諸天宮所。忽然立住。

Tông Vương-xá thành một thân bất hiện. Chí ư Tịnh-cư chư Thiên cung sở. Hốt nhiên lập trụ.

Từ thành Vương Xá ẩn thân không hiện. Đi tới Trời Tịnh Cư nơi cung điện của các Trời. Bỗng nhiên đứng ở lại.

爾時無量淨居諸天。既見目連安庠而至。心生歡喜各相謂言：

Nhĩ thời vô lượng Tịnh-cư chư Thiên. Kỳ kiến Mục-liên an tường nhi chí. Tâm sinh hoan hỷ, các tương vị ngôn :

Lúc đó vô lượng các Trời Tịnh Cư. Đã nhìn thấy Mục Liên yên lành mà đi tới. Tâm sinh vui mừng, từng người nói rằng :

我等今者可共往迎尊者目連。發是語已相隨至於目捷連所。

Ngã đẳng kim giả khả cộng vãng nghênh Tôn-giả Mục-liên. Phát thị ngữ dĩ, tương tùy chí ư Mục-kiền-liên sở. Chúng tôi hôm nay có thể cùng tới nghênh đón Tôn giả Mục Liên. Phát ra lời nói đó xong, cùng nhau theo đi tới nơi ở của Mục Kiền Liên.

頭面頂禮目捷連足。却住一面白目連言：

Đầu diện đĩnh lễ Mục-kiền-liên túc. Khước trụ nhất diện bạch Mục-liên ngôn :

Phục đỉnh lễ chân của Mục Kiền Liên. Lùi ra đứng ở một bên báo cáo Mục Liên nói rằng :

尊者目連！希有希有！尊者目連！

於世間中難見難值。

Tôn-giả Mục-liên ! Hi hữu, hi hữu ! Tôn-giả Mục-liên !
Ư Thế-gian trung nan kiến nan trực.

Tôn giả Mục Liên ! Hiếm có, hiếm có ! Tôn giả Mục Liên ! Ở trong Thế gian khó nhìn thấy khó trực tiếp gặp.

謂佛世尊多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。於無量百千萬劫。

Vị Phật Thế tôn Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật-đà. Ư vô lượng bách thiên vạn Kiếp.

Cho là Phật Thế tôn Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà. Ở trong vô lượng trăm nghìn vạn Kiếp.

懃修諸行而說偈言：

Cần tu chư hạnh nhi thuyết kệ ngôn：

Chuyên cần tu hành các Đức hạnh mà đọc bài kệ nói rằng：

於百千劫中 懃求菩提道

Ư bách thiên Kiếp trung. Cần cầu Bồ-đề Đạo.

Ở trong trăm nghìn Kiếp. Siêng cầu Đạo Bồ Đề.

過於多時來 眾生中大寶

Quá ư đa thời lai. Chúng sinh trung đại bảo.

Qua tới được nhiều thời. Quý nhất trong chúng sinh.

世間難見者 唯有佛世尊

Thế gian nan kiến giả. Duy hữu Phật Thế tôn.

Người Thế gian khó gặp. Chỉ có Phật Thế Tôn.

爾時尊者大目犍連。從淨居天聞是偈已。

Nhĩ thời Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên. Tòng Tịnh-cư

Thiên văn thị kệ dĩ.

Khi đó Tôn giả Đại Mục Kiền Liên. Nghe xong bài kệ

đó từ Trời Tịnh Cư.

遍體戰慄身毛皆豎。而作是念。希有希有！

Biến thể chiến lật, thân mao giai thụ. Nhi tác thị niệm.

Hi hữu, hi hữu !

Run sợ lan tỏa toàn thân thể, lông trên thân đều dựng

đứng. Mà làm suy ngẫm đó. Hiếm có, hiếm có !

不可思議。難見難值。

Bất khả tư nghị nan kiến nan trực.

Không thể nghĩ bàn khó gặp khó trực tiếp gặp.

謂佛世尊多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。世間難逢。

Vị Phật Thế Tôn Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu

Tam Phật-đà. Thế gian nan phùng.

Cho là Phật Thế Tôn Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam
Miệu Tam Phật Đà. Thế gian khó gặp gỡ.

無量百千萬億劫中時一出現。爾時尊者大目犍連於淨
居天。

Vô lượng bách thiên vạn ức Kiếp trung thời nhất xuất
hiện. Nhĩ thời Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên ư Tịnh-cư
Thiên.

Trong vô lượng trăm nghìn vạn trăm triệu Kiếp thời
mới xuất hiện một lần. Khi đó Tôn giả Mục Kiền Liên
trong Trời Tịnh Cư.

爲彼天眾說無量種微妙之法。

Vị bỉ Thiên Chúng thuyết vô lượng chủng vi diệu chi
Pháp.

Vì các chúng sinh cõi Trời đó nói vô lượng các loại
Pháp vi diệu.

顯現無量清淨法義。宣通無量深密法要。

Hiển hiện vô lượng Thanh tịnh Pháp nghĩa. Tuyên
thông vô lượng thâm mật Pháp yếu.

Hiện ra rõ ràng vô lượng nghĩa Pháp Thanh tịnh. Đọc
nói thông suốt vô lượng Pháp chủ yếu bí mật thâm
sâu.

令諸天心各生歡喜。教化顯示尊重法已。

Linh chư Thiên tâm các sinh hoan hỷ. Giáo hóa hiển thị tôn trọng Pháp dĩ.

Giúp cho tâm của các người Trời từng người đều sinh vui vẻ. Đã giáo hóa biểu hiện ra rõ tôn trọng Pháp.

即沒身迴此閻浮提。譬如力士屈臂還舒一念之頃。到王舍城。

Tức một thân hồi thủ Diêm-phù-đề. Thí như Lực sĩ khuất tỳ hoàn thư nhất niệm chi khoảnh đáo Vương-xá thành.

Tức thời ẩn thân trở về Diêm Phù Đề này. Ví như Lực Sĩ duỗi thẳng chân tay, khoảnh khắc 1 suy ngẫm quay trở về tới thành Vương Xá.

次第乞食還至本處。飯食訖收衣鉢。洗足已。

Thứ đệ khát thực hoàn chí bản xứ. Phạn thực cật thu y bát. Tẩy túc dĩ.

Tiếp theo đi xin cơm trở về nơi ở cũ. Ăn cơm xong thu dọn quần áo bát. Rửa chân xong.

詣於佛所到佛所已頂禮佛足。却坐一面復自坐已。向佛而說所行來處。

Nghệ ư Phật sở, đáo Phật sở dĩ, đĩnh lễ Phật túc.

Khước tọa nhất diện phục tự tọa dĩ. Hướng Phật nhi thuyết sở hành lai xứ.

Tới nơi Phật ở, đã tới nơi ở của Phật, đỉnh lễ chân Phật. Lùi ra ngồi sang một bên, đã lại tự ngồi xong. Hướng về Phật mà nói về nơi được đi tới.

世尊！

我旦乞食到王舍城。便至首陀婆娑天上。天語我言：
Thế Tôn ! Ngã đản khát thực đáo Vương-xá thành.
Tiện chí Thủ-đà-bà-sa Thiên thượng. Thiên ngữ Ngã ngôn :

Thế Tôn ! Con sáng đi xin cơm tới thành Vương Xá.
Liên đi tới trên Trời Thủ Đà Bà Sa. Người Trời bảo con nói rằng :

如來世尊。於世間中難見難值。如前所說具白佛言：
Như Lai Thế Tôn ư Thế-gian trung nan kiến nan trực.
Như tiền sở thuyết cụ bạch Phật ngôn :

Như Lai Thế Tôn ở trong Thế gian khó nhìn thấy khó trực tiếp gặp. Báo cáo Phật đầy đủ như lời ở trên nói rằng :

世尊！我聞如是希有語已。實難思議。

Thế Tôn ! Ngã văn như thị hi hữu ngữ dĩ. Thực nan tư nghị.

Thế Tôn ! Con đã nghe lời nói hiếm có đó như thế.
Thực khó nghĩ bàn.

所謂諸佛多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。於無量百千劫中時一出世。

Sở vị chư Phật Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật-đà. Ư vô lượng bách thiên Kiếp trung thời nhất xuất thế.

Cho là các Phật Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà. Ở trong vô lượng trăm nghìn Kiếp thời mới xuất hiện ở đời.

爾時佛告目犍連言：目犍連。淨居諸天少知少見。

Nhĩ thời Phật cáo Mục-kiền-liên ngôn : Mục-kiền-liên ! Tịnh-cư chư Thiên thiếu tri thiếu kiến.

Khi đó Phật bảo Mục Kiền Liên nói rằng : Mục Kiền Liên ! Các Trời Tịnh Cư ít hiểu biết ít nhìn thấy.

所以者何？目犍連！以狹劣智乃能得知百千劫事。

Sở dĩ giả hà ? Mục-kiền-liên ! Dĩ hiệp liệt Trí nãi năng đắc tri bách thiên Kiếp sự.

Cớ là sao ? Mục Kiền Liên ! Do Trí tuệ hẹp hòi thấp kém, mới có thể biết được việc của trăm nghìn Kiếp.

我念往昔於無量無邊諸世尊所種諸善根。

Ngã niệm vãng tích, ư vô lượng vô biên chư Thế Tôn sở, chúng chư Thiện-căn.

Ta nhớ xa xưa, ở nơi ở của vô lượng vô biên các Thế Tôn, trồng các Căn thiện.

乃至求阿耨多羅三藐三菩提。目捷連！

Nãi chí cầu A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề. Mục-kiền-liên !

Thậm chí cầu A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ Đề. Mục Kiền Liên !

我念往昔作轉輪聖王。身值三十億佛皆同一號。

Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương. Thân trực tam thập ức Phật giai đồng nhất hiệu.

Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương. Thân trực tiếp gặp 30 trăm triệu Phật đều cùng một tên hiệu.

號釋迦如來及聲聞眾。尊重承事。恭敬供養。四事具足。

Hiệu Thích Ca Như Lai cập Thanh-văn chúng. Tôn trọng thừa sự. Cung kính cúng dưỡng. Tứ-sự cụ túc. Tên hiệu là Thích Ca Như Lai cùng với chúng Thanh Văn. Tôn trọng vâng theo việc. Cung kính cúng dưỡng. Bốn Việc cúng dưỡng đầy đủ.

所謂衣服飲食臥具湯藥。時彼諸佛不與我記。

Sở vị y phục ẩm thực ngọa cụ thang dược. Thời bỉ chư Phật bất dĩ Ngã kí.

Gọi là quần áo đồ ăn uống, đồ nằm ngủ, thuốc uống. Thời các Phật đó không ban cho Ta ghi nhớ.

汝當得阿耨多羅三藐三菩提及世間解天人師佛世尊。
Nhữ đương đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề cập
Thế-gian-giải Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn.

Ngài sẽ được A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ Đề cùng
với Thế Gian Giải Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn.

於未來世得成正覺。目捷連！

Ư Vị-lai thế đắc thành Chính-giác. Mục-kiền-liên !

Ở đời Tương lai được thành Chính Giác. Mục Kiền
Liên !

我念往昔作轉輪聖王。身值八億諸佛皆同一號。

Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Thân trực bát ức chư Phật, giai đồng nhất hiệu.

Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương. Thân
trực tiếp gặp 8 trăm triệu Phật, đều cùng một tên hiệu.

號然燈如來及聲聞眾。尊重恭敬。四事供養。

Hiệu Nhiên Đăng Như Lai cập Thanh-văn chúng. Tôn
trọng cung kính. Tứ-sự cúng dưỡng.

Tên hiệu là Nhiên Đăng Như Lai. Cùng với chúng
Thanh Văn. Tôn trọng cung kính. Bốn Việc cúng
dưỡng.

所謂衣服飲食臥具湯藥幡蓋華香。時彼諸佛不與我記

。

Sở vị y phục ẩm thực ngọa cụ thang dược phan cái hoa hương. Thời bỉ chư Phật bất dữ Ngã kí.

Gọi là quần áo đồ ăn uống đồ nằm ngủ thuốc uống cờ lọng hương hoa. Thời các Phật đó không ban cho Ta ghi nhớ.

汝當得阿耨多羅三藐三菩提及世間解天人師佛世尊。
Nhữ đương đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề cập
Thế-gian-giải Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn.

Ngài sẽ được A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ Đề cùng
với Thế Gian Giải Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn.

目捷連！

我念往昔作轉輪聖王。身值三億諸佛皆同一號。
Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân
Thánh Vương. Thân trực tam ức chư Phật giai đồng
nhất hiệu.

Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân
Thánh Vương. Thân trực tiếp gặp 3 trăm triệu các
Phật, đều cùng một tên hiệu.

號弗沙如來及聲聞眾。四事供養皆悉具足。

Hiệu Phật Sa Như Lai cập Thanh-văn chúng. Tứ-sự
cúng dưỡng giai tất cụ túc.

Tên hiệu là Nhiên Đăng Như Lai cùng với chúng Thanh
Văn. Bốn Việc cúng dưỡng tất cả đều đầy đủ.

時彼諸佛不與我記。汝當作佛。

Thời bỉ chư Phật bất dĩ Ngã kí. Nhữ đương tác Phật.
Thời các Phật đó không ban cho Ta ghi nhớ. Ngài sẽ
làm Phật.

如上所說。目犍連！我念往昔作轉輪聖王。

Như thượng sở thuyết. Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng
tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Như được nói ở phần trên. Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa
xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương.

身值九萬諸佛皆同一號。號迦葉如來及聲聞眾。

Thân trực cứu vạn chư Phật, giai đồng nhất hiệu. Hiệu
Ca Diệp Như Lai cập Thanh-văn chúng.

Thân trực tiếp gặp 9 vạn các Phật, đều cùng một tên
hiệu. Tên hiệu Ca Diệp Như Lai cùng với chúng Thanh
Văn.

四事供養皆悉具足。乃至不與我授記別。當得作佛。

Tứ-sự cúng dưỡng giai tất cụ túc. Nãi chí bất dĩ Ngã
thụ kí biệt. Đương đắc tác Phật.

Bốn Việc cúng dưỡng tất cả đều đầy đủ. Thậm chí
không không ban cho Ta ghi nhớ đặc biệt. Sẽ được làm
Phật.

如上所說。目犍連！我念往昔作轉輪聖王。

Như thượng sở thuyết. Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Như được nói ở phần trên. Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương.

身值六萬諸佛皆同一號。號燈明如來及聲聞眾。

Thân trực lục vạn chư Phật, giai đồng nhất hiệu. Hiệu Đăng Minh Như Lai cập Thanh-văn chúng.

Thân trực tiếp gặp 6 vạn các Phật, đều cùng một tên hiệu. Tên hiệu là Đăng Minh Như Lai cùng với chúng Thanh Văn.

四事供養皆悉具足。乃至不與我授記別。當得作佛。

Tứ-sự cúng dưỡng giai tất cụ túc. Nãi chí bất dĩ Ngã thụ kí biệt. Đương đắc tác Phật.

Bốn Việc cúng dưỡng tất cả đều đầy đủ. Thậm chí không không ban cho Ta ghi nhớ đặc biệt. Sẽ được làm Phật.

如上所說。目犍連！我念往昔作轉輪聖王。

Như thượng sở thuyết. Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Như được nói ở phần trên. Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương.

身曾供養一萬八千諸佛皆同一號。號娑羅王如來及聲聞眾。

Thân tăng cúng dưỡng nhất vạn chư Phật, giai đồng nhất hiệu. Hiệu Sa La Vương Như Lai cập Thanh-văn chúng.

Thân từng cúng dưỡng 1 vạn các Phật, đều cùng một tên hiệu. Tên hiệu là Sa La Vương Như Lai cùng với chúng Thanh Văn.

四事供養皆悉具足。然後出家。作如是念爲未來世。Tứ-sự cúng dưỡng giai tất cụ túc. Nhiên hậu Xuất-gia. Tác như thị niệm vị Vị-lai thế.

Bốn Việc cúng dưỡng tất cả đều đầy đủ. Sau đó xuất gia. Làm suy nghĩ như thế vì đời Tương lai.

當得佛道護持禁戒。時彼諸佛不與我記。乃至作佛。Đương đắc Phật đạo hộ trì Cấm-giới. Thời bỉ chư Phật bất dữ Ngã kí. Nãi chí tác Phật.

Sẽ được Đạo Phật giữ gìn Giới cấm. Thời các Phật đó không ban cho Ta ghi nhớ. Thậm chí làm Phật.

如上所說。目犍連！我念往昔作轉輪聖王。

Như thượng sở thuyết. Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Như được nói ở phần trên. Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương.

身曾供養一萬諸佛皆同一號。號能度彼岸如來及聲聞眾。

Thân tăng cúng dường nhất vạn chư Phật, giai đồng nhất hiệu. Hiệu Năng Độ Bỉ Ngạn Như Lai cập Thanh-văn chúng.

Thân từng cúng dường 1 vạn các Phật, đều cùng một tên hiệu. Tên hiệu là Năng Độ Bỉ Ngạn Như Lai cùng với chúng Thanh Văn.

四事供養皆悉具足。乃至不與我授記別。當得作佛。
Tứ-sự cúng dường, giai tất cụ túc. Nãi chí bất dữ Ngã thụ kí biệt. Đương đắc tác Phật.

Bốn Việc cúng dường tất cả đều đầy đủ. Thậm chí không không ban cho Ta ghi nhớ đặc biệt. Sẽ được làm Phật.

目犍連！我念往昔作轉輪聖王。
Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương.

身曾供養一萬五千諸佛皆同一號。號日如來及聲聞眾。
。

Thân tăng cúng dường nhất vạn ngũ thiên chư Phật, giai đồng nhất hiệu. Hiệu Nhật Như Lai cập Thanh-văn chúng.

Thân từng cúng dường 1 vạn 5 nghìn các Phật, đều cùng một tên hiệu. Tên hiệu Nhật Như Lai cùng với chúng Thanh Văn.

四事供養皆悉具足。乃至不與我授記別。當得作佛。
Tứ-sự cúng dường, giai tất cụ túc. Nãi chí bất dữ Ngã thụ kí biệt. Đương đắc tác Phật.

Bốn Việc cúng dường tất cả đều đầy đủ. Thậm chí không không ban cho Ta ghi nhớ đặc biệt. Sẽ được làm Phật.

目犍連！我念往昔作轉輪聖王。

Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương.

身曾供養二千諸佛皆同一號。號憍陳如如來及聲聞眾。

Thân từng cúng dường nhị thiên chư Phật, giai đồng nhất hiệu. Hiệu Kiền Trần Như Như Lai cập Thanh-văn chúng.

Thân từng cúng dường 2 nghìn các Phật, đều cùng một tên hiệu. Tên hiệu Kiền Trần Như Như Lai cùng với chúng Thanh Văn.

四事供養皆悉具足。乃至不與我授記別。當得作佛。

Tứ-sự cúng dường, giai tất cụ túc. Nãi chí bất dữ Ngã thụ kí biệt. Đương đắc tác Phật.

Bốn Việc cúng dường, tất cả đều đầy đủ. Thậm chí không không ban cho Ta ghi nhớ đặc biệt. Sẽ được làm Phật.

目捷連！我念往昔作轉輪聖王。

Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương.

身曾供養六千諸佛皆同一號。號龍如來及聲聞眾。
Thân từng cúng dường lục thiên chư Phật, giai đồng nhất hiệu. Hiệu Long Như Lai cập Thanh-văn chúng.
Thân từng cúng dường 6 nghìn các Phật, đều cùng một tên hiệu. Tên hiệu Long Như Lai cùng với chúng Thanh Văn.

四事供養皆悉具足。乃至不與我授記別。當得作佛。
Tứ-sự cúng dường, giai tất cụ túc. Nãi chí bất dữ Ngã thụ kí biệt. Đương đắc tác Phật.

Bốn Việc cúng dường tất cả đều đầy đủ. Thậm chí không không ban cho Ta ghi nhớ đặc biệt. Sẽ được làm Phật.

目捷連！我念往昔作轉輪聖王。

Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương.

身曾供養一千諸佛皆同一號。號紫幢如來及聲聞眾。
Thân từng cúng dường nhất thiên chư Phật, giai đồng nhất hiệu. Hiệu Tử Tràng Như Lai cập Thanh-văn chúng.

Thân từng cúng dường 1 nghìn các Phật, đều cùng một tên hiệu. Tên hiệu Tử Tràng Như Lai cùng với chúng Thanh Văn.

四事供養皆悉具足。乃至不與我授記別。當得作佛。
Tứ-sự cúng dường, giai tất cụ túc. Nãi chí bất dữ Ngã thụ kí biệt. Đương đắc tác Phật.

Bốn Việc cúng dường tất cả đều đầy đủ. Thậm chí không không ban cho Ta ghi nhớ đặc biệt. Sẽ được làm Phật.

目捷連！我念往昔作轉輪聖王。

Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương.

身曾供養五百諸佛皆同一號。號連花上如來及聲聞眾。
。

Thân tặng cúng dưỡng ngũ bách chư Phật, giai đồng nhất hiệu. Hiệu Liên Hoa Thượng Như Lai cập Thanh-văn chúng.

Thân từng cúng dưỡng 500 các Phật, đều cùng một tên hiệu. Tên hiệu Liên Hoa Thượng Như Lai cùng với chúng Thanh Văn.

四事供養皆悉具足。乃至不與我授記別。當得作佛。
Tứ-sự cúng dưỡng, giai tất cụ túc. Nãi chí bất dữ Ngã thụ kí biệt. Đương đắc tác Phật.

Bốn Việc cúng dưỡng, tất cả đều đầy đủ. Thậm chí không không ban cho Ta ghi nhớ đặc biệt. Sẽ được làm Phật.

目犍連！我念往昔作轉輪聖王。

Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương.

身曾供養六十四諸佛皆同一號。號螺髻如來及聲聞眾。
。

Thân tặng cúng dưỡng lục thập tứ chư Phật, giai đồng nhất hiệu. Hiệu Loa Kế Như Lai cập Thanh-văn chúng.

Thân từng cúng dường 64 các Phật, đều cùng một tên hiệu. Tên hiệu Loa Kế Như Lai cùng với chúng Thanh Văn.

四事供養皆悉具足。乃至不與我授記別。當得作佛。
Tứ-sự cúng dường, giai tất cụ túc. Nãi chí bất dữ Ngã thụ kí biệt. Đương đắc tác Phật.

Bốn Việc cúng dường, tất cả đều đầy đủ. Thậm chí không không ban cho Ta ghi nhớ đặc biệt. Sẽ được làm Phật.

目犍連！我念往昔作轉輪聖王。

Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tác Chuyển luân Thánh Vương.

Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, làm Chuyển luân Thánh Vương.

身曾供養一佛。號正行如來及聲聞眾。

Thân từng cúng dường nhất Phật. Hiệu Chính Hạnh Như Lai cập Thanh-văn chúng.

Thân từng cúng dường 1 Phật. Tên hiệu Chính Hạnh Như Lai cùng với chúng Thanh Văn.

四事供養皆悉具足。彼佛亦不與我授記。

Tứ-sự cúng dường, giai tất cụ túc. Bỉ Phật diệc bất dữ Ngã thụ kí.

Bốn Việc cúng dường, tất cả đều đầy đủ. Phật đó cũng không ban cho Ta ghi nhớ.

當得阿耨多羅三藐三菩提及明行足一切世間解。

Đương đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề cập Minh-hạnh-Túc nhất thiết Thế-gian-giải.

Sẽ được A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ Đề cùng với Minh Hạnh Túc tất cả Thế Gian Giải.

目捷連！我念往昔曾供養八萬八千億辟支佛。

Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, tăng cúng dường bát vạn bát thiên ức Bích Chi Phật.

Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, từng cúng dường 8 vạn 8 nghìn trăm triệu Bích Chi Phật.

幡蓋香華。四事具足。乃至彼佛滅度之後。為起塔廟供養如前。

Phan cái hương hoa. Tứ-sự cụ túc. Nãi chí bỉ Phật Diệt-độ chi hậu. Vi khởi Tháp-miếu cúng dường như tiền.

Cờ lọng hương hoa. Bốn Việc cúng dường đầy đủ.

Thậm chí sau khi Phật đó Tà thế. Vì khởi dựng Tháp Miếu cúng dường như nói ở trên.

而不與我授於記別。汝當得阿耨多羅三藐三菩提。

Nhi bất dữ Ngã thụ ư kí biệt. Nhữ đương đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

Mà không ban cho Ta ghi nhớ đặc biệt. Ngài sẽ được A-nậu-đa-la tam-miêu-tam Bồ Đề.

目捷連！

我念往昔。有一如來。號曰善思多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。

Mục-kiền-liên ! Ngã niệm vãng tích, hữu nhất Như Lai. Hiệu viết Thiện Tư Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miêu Tam Phật-đà.

Mục Kiền Liên ! Ta nhớ xa xưa, có 1 Như Lai. Tên hiệu là Thiện Tư Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miêu Tam Phật Đà.

於彼佛所。彌勒菩薩最初發心。種諸善根。求阿耨多羅三藐三菩提。

Ư bỉ Phật sở. Di Lạc Bồ-tát tối sơ phát tâm. Chúng chư Thiện-căn. Cầu A-nậu-đa-la tam-miêu-tam Bồ-đề. Ở nơi ở của Phật đó. Di Lạc Bồ Tát mới đầu tiên phát tâm. Trồng các Căn thiện. Cầu A-nậu-đa-la tam-miêu-tam Bồ Đề.

時彌勒菩薩身作轉輪聖王。名毘盧遮那。

Thời Di Lạc Bồ-tát thân tác Chuyển luân Thánh Vương. Danh Tì Lư Giá Na.

Thời thân Di Lạc Bồ Tát làm Chuyển luân Thánh Vương. Tên hiệu là Tì Lư Giá Na.

爾時人民壽八萬歲。目捷連！彼善思如來初會說法。

Nhĩ thời nhân dân thọ bát vạn tuế. Mục-kiền-liên ! Bỉ
Thiện Tư Như Lai sơ hội thuyết Pháp.

Thời đó nhân dân thọ 8 vạn năm. Mục Kiền Liên !

Thiện Tư Như Lai đó hội đầu tiên nói Pháp.

九萬六千億人得阿羅漢道。第二會說法八萬四千億人
得阿羅漢道。

Cửu vạn lục thiên ức nhân đắc A-la-hán Đạo. Đệ nhị
hội thuyết Pháp bát vạn tứ thiên ức nhân đắc A-la-hán
Đạo.

Chín vạn 6 nghìn trăm triệu người được Đạo A La
Hán. Hội thứ hai nói Pháp có 8 vạn 4 nghìn trăm triệu
người được Đạo A La Hán.

第三會說法七萬二千億人得阿羅漢道。目捷連！

Đệ tam hội thuyết Pháp thất vạn nhị thiên ức nhân đắc
A-la-hán Đạo. Mục-kiền-liên !

Hội thứ 3 nói Pháp có 7 vạn 2 nghìn trăm triệu người
được Đạo A La Hán. Mục Kiền Liên !

彼毘盧遮那轉輪聖王。供養於彼善思如來及聲聞眾。

Bỉ Tì Lư Giá Na Chuyển luân Thánh Vương. Cúng
dưỡng ư bỉ Thiện Tư Như Lai cập Thanh-văn chúng.

Tì Lư Giá Na Chuyển luân Thánh Vương đó. Cúng
dưỡng cho Thiện Tư Như Lai đó cùng với chúng
Thanh Văn.

恭敬尊重。幡蓋花香。四事具足。目捷連！

Cung kính tôn trọng. Phan cái hoa hương. Tứ-sự cụ
túc. Mục-kiền-liên !

Cung kính tôn trọng. Cờ lọng hương hoa. Bốn Việc
cúng dưỡng đầy đủ. Mục Kiền Liên !

時毘盧遮那轉輪聖王。見彼如來具足三十二大人相八十種好。

Thời Tì Lư Giá Na Chuyển luân Thánh Vương. Kiến bỉ
Như Lai cụ túc tam thập nhị đại nhân Tướng bát thập
chủng Hảo.

Thời Tì Lư Giá Na Chuyển luân Thánh Vương. Nhìn
thấy Như Lai đó đầy đủ 32 Tướng của người vĩ đại, 80
diện mạo tốt đẹp.

及聲聞眾。佛刹莊嚴。壽命歲數。即發道心。

Cập Thanh-văn chúng. Phật sát trang nghiêm thọ
mệnh tuế số. Tức phát đạo tâm.

Cùng với chúng Thanh Văn. Đất Phật trang nghiêm thọ
mệnh nhiều năm. Tức thì phát tâm Đạo.

自口稱言：希有！世尊！願我當來得作於佛。

Tự khẩu xưng ngôn : Hi hữu ! Thế Tôn ! Nguyên Ngã
Đương-lai đắc tác ư Phật.

Tự miệng đọc nói rằng : Hiếm có ! Thế Tôn ! Con
nguyện sắp tới được làm như Phật.

十號具足。還如今日善思如來。

Thập hiệu cụ túc. Hoàn như kim nhật Thiện Tư Như
Lai.

Mười tên hiệu đầy đủ. Trở lại đúng như Thiện Tư Như
Lai ngày nay.

爲於大眾聲聞人天恭敬圍繞。聽佛說法信受奉行。

Vị ư Đại chúng Thanh-văn nhân Thiên cung kính vi
nhiều. Thính Phật thuyết Pháp tín thụ phụng hành.

Được các Đại chúng Thanh Văn Trời Người cung kính
vây quanh. Nghe Phật nói Pháp tin nhận cung kính thi
hành.

一種無異。彌勒又言：願我當來爲多眾生作諸利益。

Nhất chủng vô dị. Di Lặc hựu ngôn : Nguyên Ngã
Đương-lai vị đa chúng sinh tác chư lợi ích.

Một loại không khác. Di Lặc lại nói rằng : Con nguyện
sắp tới vì nhiều chúng sinh làm các ích lợi.

施與安樂。憐愍一切天人世間。目捷連！

Thí dũ an lạc. Lân mẫn nhất thiết Thiên-nhân Thế
gian. Mục-kiền-liên !

Ban cho yên vui. Thương xót tất cả Thế gian người
Trời. Mục Kiên Liên !

彌勒菩薩在於我前四十餘劫發菩提心。

Di Lạc Bồ-tát tại ư Ngã tiền tứ thập dư Kiếp phát Bồ-
đề tâm.

Di Lạc Bồ Tát ở trước Ta hơn 40 Kiếp phát tâm Bồ
Đề.

而我然後始發道心。種諸善根。

Nhi Ngã nhiên hậu thủy phát đạo tâm. Chúng chư
Thiện-căn.

Mà Ta sau đó mới phát tâm Đạo. Trông các Căn thiện.

求阿耨多羅三藐三菩提。目捷連！我念往昔有一佛。

Cầu A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề. Mục-kiền-liên !

Ngã niệm vãng tích hữu nhất Phật.

Cầu A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ Đề. Mục Kiên Liên
! Ta nhớ xa xưa có một Phật.

名示誨幢如來。目捷連！

我於彼佛國土之中作轉輪聖王。

Danh Thị Hối Tràng Như Lai. Mục-kiền-liên ! Ngã ư bỉ
Phật quốc thổ chi trung tác Chuyển luân Thánh
Vương.

Tên hiệu là Thị Hối Tràng Như Lai. Mục Kiền Liên ! Ta ở trong đất nước của Phật đó làm Chuyển luân Thánh Vương.

名曰牢弓。初發道心種諸善根。

Danh viết Lao-cung. Sơ phát đạo tâm chúng chư Thiện-căn.

Tên hiệu là Lao Cung. Ban đầu phát tâm Đạo, trồng các Căn thiện.

求阿耨多羅三藐三菩提。我時供養彼佛世尊。滿一千年。

Cầu A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề. Ngã thời cúng dường bử Phật Thế Tôn. Mãn nhất thiên niên.

Cầu A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ Đề. Ta thời cúng dường Phật Thế Tôn đó. Đầy đủ 1 nghìn năm.

及聲聞眾。恭敬尊重禮拜讚歎。四事充足。

Cập Thanh-văn chúng. Cung kính tôn trọng lễ bái tán thán. Tứ-sự sung túc.

Cùng với chúng Thanh Văn. Cung kính tôn trọng lễ bái ca ngợi. Bốn Việc cúng dường đầy đủ.

持五百具妙好衣裳一時布施。乃至彼佛般涅槃。

Trì ngũ bách cụ diệu hảo y thường nhất thời Bồ-thí. Nãi chí bử Phật Bát Niết Bàn.

Đem 500 đồ dùng áo quần tốt vi diệu cùng thời Bồ thí.
Thậm chí Phật đó nhập vào Phật Niết Bàn.

後起舍利塔。高一由旬廣半由旬。七寶莊嚴。

Hậu khởi Xá-lợi Tháp, cao nhất Do-tuần quảng bán
Do-tuần. Thất bảo trang nghiêm.

Sau đó khởi xây Tháp Xá Lợi cao 20 km rộng 10 km.
Bảy vật báu trang nghiêm.

所謂金銀頗梨琉璃赤珍珠等車磔馬瑙而以校飾。

Sở vị kim ngân pha-lê lưu ly xích trân châu đẳng xa cừ
mã-não nhi dĩ hiệu sức.

Gọi là vàng, bạc, pha lê, lưu ly, trân châu đỏ cùng với
xa cừ mã não mà dùng làm trang sức.

復持種種幡蓋幢鈴香花燈燭以用供養。

Phục trì chủng chủng phan cái tràng linh hương hoa
đăng chúc, dĩ dụng cúng dưỡng.

Lại đem đủ loại cờ lọng trướng linh hương hoa đèn
nến, dùng làm cúng dưỡng.

目捷連！我設如是諸供養已。晝夜精勤發廣大誓願。

Mục-kiền-liên ! Ngã thiết như thị chư cúng dưỡng dĩ.

Trú dạ tinh cần phát quảng đại thệ nguyện.

Mục Kiền Liên ! Ta đã làm các cúng dưỡng như thế.

Ngày đêm chuyên cần phát nguyện lớn rộng khắp.

於當來得作佛。時有諸眾生不孝父母。不敬沙門及婆羅門。

Ư Đương-lai đắc tác Phật. Thời hữu chư chúng sinh bất hiếu phụ mẫu. Bất kính Sa-môn cập Bà-la-môn.

Ở thời sắp tới được làm Phật. Thời có các chúng sinh bất hiếu với cha mẹ. Không kính trọng Sa Môn cùng với Bà La Môn.

不識家內親疎尊卑。無信敬心。不信三世因緣業果。Bất thức gia nội thân sơ tôn ti. Vô tín kính tâm. Bất tín Tam-thế Nhân-duyên Nghiệp quả.

Không nhận biết được tôn ti thân sơ trong gia đình.

Tâm không tin kính. Không tin Nhân duyên Nghiệp quả của Ba đời.

不信現在有於聖人。無一法行。唯行貪欲瞋恚愚癡。Bất tín Hiện-tại hữu ư Thánh nhân. Vô nhất Pháp hành. Duy hành tham dục sân khuể ngu si.

Không tin Hiện nay có các Thánh nhân. Một Pháp không thực hành. Chỉ thực hành tham dục, thù hận, ngu si.

具足十惡。唯造雜業無一善事。願我於彼世界之中。Cụ túc Thập-ác. Duy tạo tạp nghiệp vô nhất thiện sự. Nguyện Ngã ư bỉ Thế-giới chi trung.

Đầy đủ 10 Nghiệp ác. Chỉ tạo ra các Nghiệp hỗn loạn không có 1 việc thiện. Ta nguyện ở trong Thế giới đó.

當得阿耨多羅三藐三菩提。憐愍彼等諸眾生故。

Đương đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề. Lân mẫn bỉ đẳng chư chúng sinh cố.

Sẽ được A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ Đề. Do vì thương xót họ cùng với các chúng sinh.

說法教化作多利益。救護眾生。慈悲拔濟令離諸苦。

Thuyết Pháp giáo hóa tác đa lợi ích. Cứu hộ chúng sinh. Từ Bi bạt tế linh ly chư khổ.

Nói Pháp giáo hóa làm nhiều ích lợi. Cứu giúp chúng sinh. Từ Bi rút bỏ giúp cho rời bỏ các khổ.

安置樂中。為彼天人廣說於法。目犍連！

An trí lạc trung. Vì bỉ Thiên-nhân quảng thuyết ư Pháp. Mục-kiền-liên !

Ổn định trong vui sướng. Vì người Trời đó nói rộng khắp Pháp. Mục Kiền Liên !

諸佛如來有是苦行希有之事。為諸眾生。目犍連！

Chư Phật Như Lai hữu thị Khổ-hạnh hi hữu chi sự. Vì chư chúng sinh. Mục-kiền-liên !

Các Phật Như Lai có việc Hạnh Khổ hiếm có đó. Vì các chúng sinh. Mục Kiền Liên !

諸菩薩等。凡有四種微妙性行。何等爲四？

一自性行。二願性行

Chư Bồ-tát đẳng phạm hữu Tứ chủng vi diệu Tính-hạnh. Hà đẳng vi Tứ ? Nhất Tự Tính-hạnh. Nhị Nguyên Tính-hạnh.

Các Bồ Tát đều có 4 loại Tính hạnh vi diệu. Thế nào là Bốn ? Một là Tính hạnh tự thân. Hai là Tính hạnh do nguyện.

三順性行。四轉性行。目捷連。云何名爲自性行。

Tam Thuận Tính-hạnh. Tứ chuyển Tính-hạnh. Mục-kiền-liên ! Vân hà danh vi tự Tính-hạnh ?

Ba là Tính hạnh thuận theo. Bốn là Tính hạnh chuyển vận. Mục Kiền Liên ! Thế nào tên là Tính hạnh tự thân.

若諸菩薩本性已來。賢良質直順父母教。

Nhược chư Bồ-tát Bản-tính dĩ lai. Hiền lương chất trực, thuận phụ mẫu giáo.

Nếu các Bồ Tát tính vốn có tới nay. Hiền lương chân thực, thuận theo dạy bảo của cha mẹ.

信敬沙門及婆羅門。善知家內尊卑親疎。知己恭敬承事無失。

Tín kính Sa-môn cập Bà-la-môn. Thiện tri gia nội tôn ti thân sơ. Tri dĩ cung kính, thừa sự vô thất.

Tin kính Sa Môn cùng với Bà La Môn. Hay biết tôn ti thân sơ trong gia đình. Đã biết cung kính vâng nhận việc không mất.

具足十善。復更廣行其餘善業。是名菩薩自性行。

Cụ túc Thập-thiện. Phục cánh quảng hành kỳ dư thiện Nghiệp. Thị danh Bồ-tát tự Tính-hạnh.

Đầy đủ 10 Nghiệp thiện. Lại càng thực hành rộng khắp các Nghiệp thiện khác. Tên đó là Tính hạnh tự thân của Bồ Tát.

云何名爲願性行？若諸菩薩發如是願。

Vân hà danh vi nguyện Tính-hạnh？Nhược chư Bồ-tát phát như thị nguyện.

Thế nào tên là Tính hạnh do nguyện？Nếu các Bồ Tát phát nguyện như thế.

我於何時當得作佛阿羅訶三藐三佛陀十號具足。是名菩薩願性行。

Ngã ư hà thời đương đắc tác Phật A La Ha Tam Miệu Tam Phật-đà, thập hiệu cụ túc. Thị danh Bồ-tát nguyện Tính-hạnh.

Con ở thời gian nào sẽ được làm Phật A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà, đầy đủ 10 tên hiệu. Tên đó là Tính hạnh của Bồ Tát do nguyện.

云何名爲順性行？若諸菩薩成就具足六波羅蜜。

Vân hà danh vi thuận Tính-hạnh ? Nhược chư Bồ-tát thành tựu cụ túc Lục Ba-la-mật.

Thế nào tên là Tính hạnh thuận theo ? Nếu các Bồ Tát thành công đầy đủ 6 Pháp tới Niết Bàn.

何等爲六？

所謂檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。是名菩薩順性行。

Hà đẳng vi Lục ? Sở vi Đản Ba-la-mật, nãi chí Bát-nhã Ba-la-mật. Thị danh Bồ-tát thuận Tính-hạnh.

Thế nào là Sáu ? Gọi là Bồ thí Tới Niết Bàn, thậm chí Trí tuệ tới Niết Bàn. Tên đó là Tính hạnh thuận theo của Bồ Tát.

云何名爲轉性行。如我供養然燈世尊。依彼因緣。

Vân hà danh chuyển Tính-hạnh ? Như Ngã cúng dưỡng Nhiên Đăng Thế Tôn. Y bỉ Nhân-duyên.

Thế nào tên là Tính hạnh chuyển vận ? Như Ta cúng dưỡng Nhiên Đăng Thế Tôn. Dựa vào Nhân duyên đó.

讀誦則知。是名菩薩轉性行。目捷連！

是名菩薩四種性行。

Độc tụng tác tri. Thị danh Bồ-tát chuyển Tính-hạnh.

Mục-kiền-liên ! Thị danh Bồ-tát tứ chủng Tính-hạnh.

Độc tụng chắc là hiểu biết. Tên đó là Tính hạnh chuyển vận. Mục Kiền Liên ! Tên đó là 4 loại Tính hạnh của Bồ Tát.

爾時世尊在舍衛國祇樹給孤獨園。

Nhĩ thời Thế Tôn tại Xá-Vệ quốc Kỳ-Thụ Cấp-Cô-Độc viên.

Khi đó Thế Tôn ở tại vườn Kỳ Thụ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ.

以得作佛住於佛行。略說如上。時佛食訖七日入定。

Dĩ đắc tác Phật trụ ư Phật hạnh. Lược thuyết như thượng. Thời Phật thực cật thất nhật nhập Định

Do được làm Phật ở trong Hạnh của Phật. Nói sơ lược như trên. Khi Phật ăn xong nhập vào Định 7 ngày.

念於往昔。諸佛世尊多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。

Niệm ư vãng tích. Chư Phật Thế Tôn Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà.

Nhớ lại xa xưa. Các Phật Thế Tôn Đa-đà-A-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà.

爾時阿難！過七日後詣於佛所。

Nhĩ thời A-nan ! Quá thất nhật hậu nghê ư Phật sở.

Lúc đó A Nan ! Sau qua 7 ngày tới nơi ở của Phật.

頂禮佛足却坐一面。白佛言：世尊！

Đỉnh lễ Phật túc khước tọa nhất diện. Bạch Phật ngôn : Thế Tôn !

Đỉnh lễ chân Phật lui ra ngồi 1 bên. Báo cáo Phật nói rằng : Thế Tôn !

希有！如來！身體清淨面色巍巍。如我前見。

Hi hữu ! Như Lai ! Thân thể Thanh tịnh diện sắc nguy nguy. Như Ngã tiền kiến.

Hiếm có ! Như Lai ! Thân thể Thanh tịnh sắc mặt uy nghi. Như Con nhìn thấy hôm trước.

今復倍常。光明增盛。世尊諸根無量寂靜。

Kim phục bội thường. Quang-minh tăng thịnh. Thế Tôn chư Căn vô lượng Tịch-tĩnh.

Hôm nay lại gấp bội phần bình thường. Quang sáng tăng mạnh. Các Căn của Thế Tôn Vắng lặng vô lượng.

坐何三昧？念何法相？爾時世尊告阿難言：

Tọa hà Tam-muội ? Niệm hà Pháp tướng ? Nhĩ thời Thế Tôn cáo A-nan ngôn :

Ngồi Tam Muội nào ? Nhớ cảnh Pháp nào ? Khi đó Thế Tôn bảo A Nan nói rằng :

如是阿難！

如汝所說。多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。

Như thị A-nan ! Như Nhữ sở thuyết. Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật-đà.

Đúng thế A Nan ! Như được Ngài nói. Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà.

若入定住。念於往昔諸佛如來。得大自在神通智已。

Nhược nhập Định trụ. Niệm ư vãng tích chư Phật Như Lai. Đắc đại Tự-tại Thần-thông Trí dĩ.

Nếu nhập vào ở trong Định. Nhớ tới xa xưa các Phật Như Lai. Đã được Trí tuệ Thần thông Tự tại lớn.

欲住一劫若減一劫。念百千億諸佛智慧。而如來智無有障礙。

Dục trụ nhất Kiếp nhược giảm nhất Kiếp. Niệm bách thiên ức chư Phật Trí tuệ. Nhi Như Lai Trí vô hữu chương ngại.

Muốn ở 1 Kiếp hoặc giảm 1 Kiếp. Nhớ trăm nghìn trăm triệu Trí tuệ của các Phật. Mà Trí tuệ của Như Lai không có trở ngại.

何以故？如來以具諸佛智慧度彼岸故。阿難！

Hà dĩ cố？Như Lai dĩ cụ chư Phật Trí tuệ độ bỉ ngạn cố. A-nan !

Cớ là sao？Như Lai do vì đầy đủ Trí tuệ của các Phật tới được Niết Bàn. A Nan !

如來一食訖已。或住一劫或減一劫。欲住多少隨意自在。

Như Lai nhất thực cật dĩ. Hoặc trụ nhất Kiếp hoặc giảm nhất Kiếp. Dục trụ đa thiểu tùy ý Tự-tại.

Xong một bữa ăn của Như Lai. Hoặc ở lại 1 Kiếp, hoặc giảm 1 Kiếp. Muốn ở bao nhiêu tùy ý Tự tại.

無有疲倦。何以故？如來具得諸佛三昧度於彼岸。
Vô hữu bì quyện. Hà dĩ cố ? Như Lai cụ đắc chư Phật Tam-muội độ ư bỉ ngạn.

Không có mệt mỏi. Cớ là sao ? Như Lai được đầy đủ Tam Muội của các Phật tới Niết Bàn.

諸三昧中此最爲勝。

Chư Tam-muội trung thử tối vi thắng.

Trong các Tam Muội nó là cao nhất.

佛告阿難！我念往昔無量無邊阿僧祇劫。

Phật cáo A-nan ! Ngã niệm vãng tích vô lượng vô biên A-tăng-kì Kiếp.

Phật bảo A Nan ! Ta nhớ lại xa xưa vô lượng vô biên A-tăng-kì Kiếp.

時世有佛。號帝釋幢多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。

Thời thế hữu Phật. Hiệu Đế Thích Tràng Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà.

Thời thế có Phật. Tên hiệu Đế Thích Tràng Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà.

能爲一切無量眾生作歸依處。能爲眾生作慈悲宅。

Năng vị nhất thiết vô lượng chúng sinh, tác Quy-y xứ.

Năng vị chúng sinh tác Từ Bi trạch.

Năng vị tất cả vô lượng chúng sinh, làm ra nơi Trở về nương theo. Năng vị chúng sinh làm ra nhà ở Từ Bi.

善能憐愍一切眾生。能與一切眾生安樂。有大威德。
Thiện năng lân mẫn nhất thiết chúng sinh. Năng dĩ
nhất thiết chúng sinh an lạc. Hữu đại Uy-đức.

Hay năng thương xót tất cả chúng sinh. Năng ban cho
chúng sinh yên vui. Có uy Đức lớn.

無量聖眾前後圍繞。阿難！彼帝釋幢如來。

Vô lượng Thánh chúng tiền hậu vi nhiễu. A-nan ! Bỉ Đế
Thích Tràng Như Lai.

Vô lượng Chúng Thánh vây quanh trước sau. A Nan !
Đế Thích Tràng Như Lai đó.

有五百億諸聲聞眾。悉皆得證阿羅漢果。壽五千歲。
Hữu ngũ bách ức chư Thanh-văn chúng. Tất giai đắc
chứng A-la-hán quả. Thọ ngũ thiên tuế.

Có 500 trăm triệu các Chúng Thanh Văn. Tất cả đều
được chứng quả A La Hán. Thọ 5 nghìn năm.

彼帝釋幢如來授一菩薩記。次當作佛號上幢如來。

Bỉ Đế Thích Tràng Như Lai thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ
đương tác Phật, hiệu Thượng Tràng Như Lai.

Đế Thích Tràng Như Lai đó ghi nhớ ban cho một Bồ
Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thượng Tràng
Như Lai.

阿難！

彼上幢如來復授一菩薩記。次當作佛號幢相如來。

A-nan ! Bỉ Thượng Tràng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Tràng Tướng Như Lai.

A Nan ! Thượng Tràng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Tràng Tướng Như Lai.

阿難！

彼幢相如來。復授一菩薩記。次當作佛號喜幢如來。

A-nan ! Bỉ Tràng Tướng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật hiệu Hỉ Tràng Như Lai.

A Nan ! Tràng Tướng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Hỉ Tràng Như Lai.

阿難！

彼喜幢如來復授一菩薩記。次當作佛號十幢如來。

A-nan ! Bỉ Hỉ Tràng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thập Tràng Như Lai.

A Nan ! Hỉ Tràng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thập Tràng Như Lai.

阿難！

彼十幢如來復授一菩薩記。次當作佛號難伏幢如來。

A-nan ! Bỉ Thập Tràng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Nan Phục Tràng Như Lai.

A Nan ! Thập Tràng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Nan Phục Tràng Như Lai.

阿難！

彼難伏幢如來復授一菩薩記。次當作佛號明燈如來。
A-nan ! Bử Nan Phục Tràng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Minh Đăng Như Lai.

A Nan ! Nan Phục Tràng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Minh Đăng Như Lai.

阿難！

彼明燈如來復授一菩薩記。次當作佛號善明燈如來。
A-nan ! Bử Minh Đăng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thiện Minh Đăng Như Lai.

A Nan ! Minh Đăng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thiện Minh Đăng Như Lai.

阿難！

彼善明燈如來復授一菩薩記。次當作佛號建立如來。
A-nan ! Bử Thiện Minh Đăng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Kiến Lập Như Lai.

A Nan ! Thiện Minh Đẳng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Kiến Lập Như Lai.

阿難！

彼建立如來復授一菩薩記。次當作佛號善建立如來。

A-nan ! Bử Kiến Lập Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thiện Kiến Lập Như Lai.

A Nan ! Kiến Lập Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thiện Kiến Lập Như Lai.

阿難！

彼善建立如來復授一菩薩記。次當作佛號龍仙如來。

A-nan ! Bử Thiện Kiến Lập Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Long Tiên Như Lai.

A Nan ! Thiện Kiến Lập Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Long Tiên Như Lai.

阿難！

彼龍仙如來復授一菩薩記。次當作佛號無比威德如來。

。

A-nan ! Bử Long Tiên Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Vô Tỉ Uy Đức Như Lai.

A Nan ! Long Tiên Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Vô Tỉ Uy Đức Như Lai.

阿難！

彼無比威德如來復授一菩薩記。次當作佛號聖所生如來。

A-nan ! Bỏ Vô Tỉ Uy Đức Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thánh Sở Sinh Như Lai.

A Nan ! Vô Tỉ Uy Đức Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thánh Sở Sinh Như Lai.

阿難！

彼聖所生如來復授一菩薩記。次當作佛號妙勝如來。

A-nan ! Bỏ Thánh Sở Sinh Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Diệu Thắng Như Lai.

A Nan ! Thánh Sở Sinh Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Diệu Thắng Như Lai.

阿難！

彼妙勝如來復授一菩薩記。次當作佛號仙勝如來。

A-nan ! Bỏ Diệu Thắng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Tiên Thắng Như Lai.

A Nan ! Diệu Thắng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Tiên Thắng Như Lai.

阿難！

彼仙勝如來復授一菩薩記。次當作佛號普陰如來。

A-nan ! Bỏ Tiên Thắng Như Lai phục thù nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Phổ Âm Như Lai.

A Nan ! Tiên Thắng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Phổ Âm Như Lai.

阿難！

彼普陰如來復授一菩薩記。次當作佛號預相如來。

A-nan ! Bỏ Phổ Âm Như Lai phục thù nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Dự Tướng Như Lai.

A Nan ! Phổ Âm Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Dự Tướng Như Lai.

阿難！

彼預相如來復授一菩薩記。次當作佛號上族如來。

A-nan ! Bỏ Dự Tướng Như Lai phục thù nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thượng Tộc Như Lai.

A Nan ! Dự Tướng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thượng Tộc Như Lai.

阿難！

彼上族如來復授一菩薩記。次當作佛號自境界如來。

A-nan ! Bử Thượng Tộc Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Tự Cảnh Giới Như Lai.

A Nan ! Thượng Tộc Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Tự Cảnh Giới Như Lai.

阿難！

彼自境界如來復授一菩薩記。次當作佛號無等如來。

A-nan ! Bử Tự Cảnh Giới Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Vô Đẳng Như Lai.

A Nan ! Tự Cảnh Giới Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Vô Đẳng Như Lai.

阿難！

彼無等如來復授一菩薩記。次當作佛號拘留孫如來。

A-nan ! Bử Vô Đẳng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Câu Lưu Tôn Như Lai.

A Nan ! Vô Đẳng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Câu Lưu Tôn Như Lai.

阿難！

彼拘留孫如來。復授一菩薩記。次當作佛號大光明如來。

A-nan ! Bỏ Câu Lưu Tôn Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Đại Quang Minh Như Lai.

A Nan ! Câu Lưu Tôn Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Đại Quang Minh Như Lai.

阿難！

彼大光明如來復授一菩薩記。次當作佛號離憂如來。

A-nan ! Bỏ Đại Quang Minh Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Ly Ưu Như Lai.

A Nan ! Đại Quang Minh Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Ly Ưu Như Lai.

阿難！

彼離憂如來。復授一菩薩記。次當作佛號捨洪水如來。

A-nan ! Bỏ Ly Ưu Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Xả Hồng Thủy Như Lai.

A Nan ! Ly Ưu Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Xả Hồng Thủy Như Lai.

阿難！

彼捨洪水如來復授一菩薩記。次當作佛號大力如來。

A-nan ! Bỉ Xả Hồng Thủy Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Đại Lực Như Lai.

A Nan ! Xả Hồng Thủy Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Đại Lực Như Lai.

阿難！

彼大力如來復授一菩薩記。次當作佛號至彼岸如來。

A-nan ! Bỉ Đại Lực Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Chí Bỉ Ngạn Như Lai.

A Nan ! Đại Lực Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Chí Bỉ Ngạn Như Lai.

阿難！

彼至彼岸如來復授一菩薩記。次當作佛號日如來。

A-nan ! Bỉ Chí Bỉ Ngạn Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Nhật Như Lai.

A Nan ! Chí Bỉ Ngạn Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Nhật Như Lai.

阿難！

彼日如來復授一菩薩記。次當作佛號寂滅如來。

A-nan ! Bỉ Nhật Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Tịch Diệt Như Lai.

A Nan ! Nhật Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Tịch Diệt Như Lai.

阿難！

彼寂滅如來復授一菩薩記。次當作佛號大震聲如來。

A-nan ! Bỉ Tịch Diệt Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Đại Chấn Thanh Như Lai.

A Nan ! Tịch Diệt Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Đại Chấn Thanh Như Lai.

阿難！

彼大震聲如來復授一菩薩記。次當作佛號自王如來。

A-nan ! Bỉ Đại Chấn Thanh Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Tự Vương Như Lai.

A Nan ! Đại Chấn Thanh Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Tỳ Vương Như Lai.

阿難！

彼自王如來復授一菩薩記。次當作佛號寶王如來。

A-nan ! Bỏ Tỳ Vương Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Bảo Vương Như Lai.

A Nan ! Tỳ Vương Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Bảo Vương Như Lai.

阿難！

彼寶王如來復授一菩薩記。次當作佛號宿王如來。

A-nan ! Bỏ Bảo Vương Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Tú Vương Như Lai.

A Nan ! Bảo Vương Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Tú Vương Như Lai.

阿難！

彼宿王如來復授一菩薩記。次當作佛號微妙如來。

A-nan ! Bỏ Tú Vương Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Vi Diệu Như Lai.

A Nan ! Tú Vương Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Vi Diệu Như Lai.

阿難！

彼微妙如來復授一菩薩記。次當作佛號梵音如來。

A-nan ! Bử Vi Diệu Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí.

Thứ đương tác Phật, hiệu Phạn Âm Như Lai.

A Nan ! Vi Diệu Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Phạn Âm Như Lai.

阿難！

彼梵音如來復授一菩薩記。次當作佛號功德生如來。

A-nan ! Bử Phạn Âm Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí.

Thứ đương tác Phật, hiệu Công Đức Sinh Như Lai.

A Nan ! Phạn Âm Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Công Đức Sinh Như Lai.

彼功德生如來有七十億聲聞弟子。皆悉證於阿羅漢果

。

Bử Công Đức Sinh Như Lai hữu thất thập ức Thanh-văn đệ-tử. Giai tất chứng ư A-la-hán quả.

Công Đức Sinh Như Lai đó có 70 trăm triệu Thanh Văn Đệ Tử. Tất cả đều chứng quả A La Hán.

其佛壽命足七萬年。般涅槃後。正法住世滿三千歲。
Kỳ Phật thọ mệnh túc thất vạn niên. Bát Niết Bàn hậu
Chính-pháp trụ thế mãn tam thiên tuế.

Phật đó mệnh thọ đủ 7 vạn năm. Sau khi nhập vào
Phật Niết Bàn Chính Pháp ở đời đủ 3 nghìn năm.

阿難！

彼功德生如來復授一菩薩記。次當作佛號龍觀如來。

A-nan ! Bỉ Công Đức Sinh Như Lai phục thụ nhất Bồ-
tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Long Quan Như Lai.

A Nan ! Công Đức Sinh Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho
một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Long
Quan Như Lai.

彼龍觀如來得菩提已。爲諸眾生住世一劫。

Bỉ Long Quan Như Lai đắc Bồ-đề dĩ. Vị chư chúng
sinh trụ thế nhất kiếp.

Long Quan Như Lai đó đã được Bồ Đề. Vì các chúng
sinh ở đời một kiếp.

阿難！

彼龍觀如來復授一菩薩記。次當作佛號無畏上如來。

A-nan ! Bỉ Long Quan Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí.
Thứ đương tác Phật, hiệu Vô Úy Thượng Như Lai.

A Nan ! Long Quan Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Vô Úy Thượng Như Lai.

阿難！

彼無畏上如來復授一菩薩記。次當作佛號龍上如來。

A-nan ! Bỏ Vô Úy Thượng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Long Thượng Như Lai.

A Nan ! Vô Úy Thượng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Long Thượng Như Lai.

阿難！

彼龍上如來復授一菩薩記。次當作佛號天德如來。

A-nan ! Bỏ Long Thượng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thiên Đức Như Lai.

A Nan ! Long Thượng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thiên Đức Như Lai.

阿難！

彼天德如來復授一菩薩記。次當作佛號身分上如來。

A-nan ! Bỏ Thiên Đức Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thân Phần Thượng Như Lai.

A Nan ! Thiên Đức Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thân Phần Thượng Như Lai.

阿難！

彼身分上如來復授一菩薩記。次當作佛號無比月如來

。

A-nan ! Bử Thân Phần Thượng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Vô Tỉ Nguyệt Như Lai.

A Nan ! Thân Phần Thượng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Vô Tỉ Nguyệt Như Lai.

阿難！

彼無比月如來復授一菩薩記。次當作佛號因上如來。

A-nan ! Bử Vô Tỉ Nguyệt Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Nhân Thượng Như Lai.

A Nan ! Vô Tỉ Nguyệt Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Nhân Thượng Như Lai.

阿難！彼因上如來有一千六百聲聞弟子。皆阿羅漢。

A-nan ! Bử Nhân Thượng Như Lai hữu nhất thiên lục bách Thanh-văn đệ-tử. Giai A-la-hán.

A Nan ! Nhân Thượng Như Lai đó có một nghìn 6 trăm Thanh Văn Đệ tử. Đều là A La Hán.

阿難！

彼因上如來復授一菩薩記。次當作佛號紫上如來。

A-nan ! Bỉ Nhân Thượng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Tử Thượng Như Lai.

A Nan ! Nhân Thượng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Tử Thượng Như Lai.

阿難！

彼紫上如來復授一菩薩記。次當作佛號多伽羅尸棄如來。

A-nan ! Bỉ Tử Thượng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Đa Già La Thi Khí Như Lai.

A Nan ! Tử Thượng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Đa Già La Thi Khí Như Lai.

阿難！

彼多伽羅尸棄如來復授一菩薩記。次當作佛號蓮花上如來。

A-nan ! Bỉ Đa Già La Thi Khí Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Liên Hoa Thượng Như Lai.

A Nan ! Đa Già La Thi Khí Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Liên Hoa Thượng Như Lai.

阿難！

彼蓮華上如來復授一菩薩記。次當作佛號憍陳如如來

。

A-nan ! Bỉ Liên Hoa Thượng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Kiền Trần Như Như Lai.

A Nan ! Liên Hoa Thượng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Kiền Trần Như Như Lai.

阿難！

彼憍陳如如來同名號者有一百佛。所住之劫名小蓮花

。

A-nan ! Bỉ Kiền Trần Như Như Lai, đồng danh hiệu giả hữu nhất bách Phật. Sở trụ chi Kiếp danh Tiểu-liên-hoa.

A Nan ! Kiền Trần Như Như Lai đó, có 100 Phật cùng tên hiệu. Ở lại trong Kiếp tên là Tiểu Liên Hoa.

彼憍陳如如來。各各皆有三百億眾聲聞弟子。皆阿羅漢。

Bỉ Kiều Trần Như Như Lai. Các các giai hữu tam bách ức chúng Thanh-văn Đệ-tử. Giai A-la-hán.

Kiều Trần Như Như Lai đó. Từng Phật đều có 300 nghìn trăm triệu các Thanh Văn Đệ Tử. Đều là A La Hán.

彼諸如來一一住壽各三百歲。佛涅槃後。正法住世亦三百歲。

Bỉ chư Như Lai nhất nhất trụ thọ, các tam bách tuế. Phật Niết-Bàn hậu. Chính-pháp trụ thế diệc tam bách tuế.

Các Như Lai đó mỗi người thọ ở lại, mỗi người 3 trăm năm. Sau khi Phật nhập vào Niết Bàn. Chính Pháp ở đời cũng 3 trăm năm.

阿難！

其最後憍陳如如來復授一菩薩記。次當作佛號栴檀如來。

A-nan ! Kỳ tối hậu Kiều Trần Như Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Chiên Đàn Như Lai.

A Nan ! Kiêu Trần Như Như Lai cuối cùng đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Chiên Đàn Như Lai.

阿難！

彼栴檀如來復授一菩薩記。次當作佛號明燈如來。

A-nan ! Bử Chiên Đàn Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Minh Đăng Như Lai.

A Nan ! Chiên Đàn Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Minh Đăng Như Lai.

阿難！

彼明燈如來復授一菩薩記。次當作佛號利益如來。

A-nan ! Bử Minh Đăng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Lợi Ích Như Lai.

A Nan ! Minh Đăng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Lợi Ích Như Lai.

阿難！

彼利益如來復授一菩薩記。次當作佛號善德如來。

A-nan ! Bử Lợi Ích Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thiện Đức Như Lai.

A Nan ! Lợi Ích Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thiện Đức Như Lai.

彼善德如來以佛眼觀一切眾生。爲欲憐愍諸眾生故。Bỉ Thiện Đức Như Lai dĩ Phật-nhãn quan nhất thiết chúng sinh. Vị dục lân mẫn chư chúng sinh cố.

Thiện Đức Như Lai đó dùng Trí tuệ của Phật quan sát tất cả chúng sinh. Do vì muốn thương xót các chúng sinh.

不斷佛種住世千劫。彼善德如來多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。

Bất đoạn Phật chủng trụ thế thiên kiếp. Bỉ Thiện Đức Như Lai Đa-đà-a-già-độ A-la-ha tam miếu tam Phật Đà.

Không dứt đoạn giòng dõi Phật ở đời nghìn kiếp.

Thiện Đức Như Lai Đa-đà-a-già-độ A-la-ha tam miếu tam Phật Đà đó.

有三十二億那由他聲聞弟子皆阿羅漢。

Hữu tam thập nhị ức Na-do-tha Thanh-văn Đệ-tử, giai A-la-hán.

Có 32 trăm triệu Na do Tha Thanh Văn Đệ Tử, đều là A La Hán.

阿難！彼善德如來復授一菩薩記。

次當作佛號明星如來。

A-nan ! Bỉ Thiện Đức Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí.
Thứ đương tác Phật, hiệu Minh Tinh Như Lai.

A Nan ! Thiện Đức Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một
Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Minh Tinh
Như Lai.

阿難！

彼明星如來復授一菩薩記。次當作佛號護世知足如來
。

A-nan ! Bỉ Minh Tinh Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí.
Thứ đương tác Phật, hiệu Hộ Thế Tri Túc Như Lai.

A Nan ! Minh Tinh Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một
Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Hộ Thế Tri
Túc Như Lai.

彼護世知足如來。過於無量那由他劫然後作佛。

Bỉ Hộ Thế Tri Túc Như Lai. Quá ư vô lượng Na-do-tha
Kiếp nhiên hậu tác Phật.

Hộ Thế Tri Túc đó. Trải qua vô lượng Na do Tha Kiếp
sau đó làm Phật.

阿難！

彼護世知足如來。有二十億聲聞弟子皆阿羅漢。

A-nan ! Bỏ Hộ Thế Tri Túc Như Lai. Hữu nhị thập ức Thanh-văn Đệ-tử, giai A-la-hán.

A Nan ! Hộ Thế Tri Túc Như Lai đó. Có 20 trăm triệu Thanh Văn Đệ Tử, đều là A La Hán.

阿難！

彼護世知足如來復授一菩薩記。次當作佛號尸棄如來。

A-nan ! Bỏ Hộ Thế Tri Túc Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thi Khí Như Lai.

A Nan ! Hộ Thế Tri Túc Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thi Khí Như Lai.

阿難！彼尸棄如來成佛之處。劫名蓮華於彼劫內。

A-nan ! Bỏ Thi Khí Như Lai thành Phật chi xứ. Kiếp danh Liên-hoa, ư bỏ Kiếp nội.

A Nan ! Thi Khí Như Lai đó thành công nơi ở của Phật. Tên Kiếp là Liên Hoa, ở trong Kiếp đó.

同號尸棄多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。有六十二次第得佛。

Đồng hiệu Thi Khí Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà. Hữu lục thập nhị thứ đệ đắc Phật.

Cùng tên hiệu Thi Khí Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà. Lần lượt thành Phật có 62 người.

阿難！其尸棄如來最在於後得菩提者。

A-nan ! Kỳ Thi Khí Như Lai tối tại ư hậu đắc Bồ-đề giả.

A-nan ! Thi Khí Như Lai đó người được Bồ Đề cuối cùng.

復授一菩薩記。次當作佛號出生如來。阿難！

Phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật hiệu Xuất Sinh Như Lai. A-nan !

Lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Xuất Sinh Như Lai. A Nan !

彼出生佛多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。

Bỉ Xuất Sinh Phật Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà.

Xuất Sinh Phật Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà đó.

憐愍一切諸眾生故。住世教化滿二千劫。

Lân mẫn nhất thiết chư chúng sinh cố. Trụ thế giáo hóa mãn nhị thiên Kiếp.

Do thương xót tất cả chúng sinh. Ở đời giáo hóa đủ 2 nghìn Kiếp.

阿難！

彼出生如來復授一菩薩記。次當作佛號善目如來。

A-nan ! Bỉ Xuất Sinh Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thiện Mục Như Lai.

A Nan ! Xuất Sinh Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thiện Mục Như Lai.

阿難！

彼善目如來復授一菩薩記。次當作佛號商主如來。

A-nan ! Bỏ Thiện Mục Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thương Chủ Như Lai.

A Nan ! Thiện Mục Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thương Chủ Như Lai.

阿難！

彼商主如來復授一菩薩記。次當作佛號善生如來。

A-nan ! Bỏ Thương Chủ Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Thiện Sinh Như Lai.

A Nan ! Thương Chủ Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thiện Sinh Như Lai.

阿難！

彼善生佛多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。壽命少時。

A-nan ! Bỏ Thiện Sinh Phật Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà. Thọ mệnh thiếu thời.

A Nan ! Thiện Sinh Phật Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà đó. Mệnh thọ thời gian ngắn.

唯住一日。於其中間教化八萬四千聲聞。悉皆令得阿羅漢果。

Duy trụ nhất nhật. Ư kỳ trung gian giáo hóa bát vạn tứ thiên Thanh-văn. Tất giai linh đắc A-la-hán quả.

Chỉ ở lại một ngày. Với thời gian đó giáo hóa 8 vạn 4 nghìn Thanh Văn. Tất cả đều giúp cho được quả A La Hán.

阿難！

彼善生如來復授一菩薩記。次當作佛號梵德如來。

A-nan ! Bỉ Thiện Sinh Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Phạm Đức Như Lai.

A Nan ! Thiện Sinh Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Phạm Đức Như Lai.

阿難！彼梵德如來有三十二億聲聞弟子。皆阿羅漢。

A-nan ! Bỉ Phạm Đức Như Lai hữu tam thập nhị ức Thanh-văn Đệ-tử. Giai A-la-hán.

A Nan ! Phạm Đức Như Lai đó có 32 trăm triệu Thanh Văn Đệ Tử. Đều là A La Hán.

彼梵德如來。般涅槃後。正法住世滿三萬歲。

Bỉ Phạm Đức Như Lai. Bát Niết Bàn hậu Chính-pháp trụ thế mãn tam vạn tuế.

Phạm Đức Như Lai đó. Sau khi nhập vào Phật Niết Bàn Chính Pháp ở đời đủ 3 vạn năm.

阿難！

彼梵德如來復授一菩薩記。次當作佛號青蓮花如來。
A-nan ! Bỉ Phạm Đức Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí.
Thứ đương tác Phật, hiệu Thanh Liên Hoa Như Lai.

A Nan ! Phạm Đức Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thanh Liên Hoa Như Lai.

阿難！

彼青蓮華如來復授一菩薩記。次當作佛號善見如來。
A-nan ! Bỉ Thanh Liên Hoa Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí.
Thứ đương tác Phật, hiệu Thiện Kiến Như Lai.

A Nan ! Thanh Liên Hoa Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Thiện Kiến Như Lai.

阿難！彼善見佛多陀阿伽度阿羅訶三藐三佛陀。

A-nan ! Bỉ Thiện Kiến Phật Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà.

A-nan ! Thiện Kiến Phật Đa-đà-a-già-độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà đó.

有三千億聲聞弟子。皆阿羅漢。

Hữu tam thiên ức Thanh-văn đệ-tử. Giai A-la-hán.

Có 3 nghìn trăm triệu Thanh Văn Đệ Tử. Đều là A La Hán.

阿難！

彼善見如來復授一菩薩記。次當作佛號見真諦如來。

A-nan ! Bỉ Thiện Kiến Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí.

Thứ đương tác Phật, hiệu Kiến Chân Đế Như Lai.

A Nan ! Thiện Kiến Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Kiến Chân Đế Như Lai.

阿難！

彼見真諦如來復授一菩薩記。次當作佛號根如來。

A-nan ! Bỉ Kiến Chân Đế Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát

kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Căn Như Lai.

A Nan ! Kiến Chân Đế Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Căn Như Lai.

阿難！

彼根如來復授一菩薩記。次當作佛號紫色如來。

A-nan ! Bỉ Căn Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ

đương tác Phật, hiệu Tử Sắc Như Lai.

A Nan ! Căn Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Tử Sắc Như Lai.

阿難！

彼紫色如來復授一菩薩記。次當作佛號爲他如來。

A-nan ! Bỉ Tử Sắc Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí.

Thứ đương tác Phật, hiệu Vị Tha Như Lai.

A Nan ! Tử Sắc Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Vị Tha Như Lai.

阿難！

彼爲他如來復授一菩薩記。次當作佛號南斗宿如來。

A-nan ! Bỉ Vị Tha Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí.

Thứ đương tác Phật hiệu Nam Đẩu Tú Như Lai.

A Nan ! Vị Tha Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Nam Đẩu Tú Như Lai.

阿難！

彼南斗宿如來復授一菩薩記。次當作佛號娑羅如來。

A-nan ! Bỉ Nam Đẩu Tú Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Sa La Như Lai.

A Nan ! Nam Đẩu Tú Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Sa La Như Lai.

阿難！

彼娑羅如來復授一菩薩記。次當作佛號主領如來。

A-nan ! Bỉ Sa La Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Chủ Mệnh Như Lai.

A Nan ! Sa La Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Chủ Mệnh Như Lai.

阿難！

彼主領如來復授一菩薩記。次當作佛號大主領如來。

A-nan ! Bỉ Chủ Mệnh Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Đại Chủ Mệnh Như Lai.

A Nan ! Chủ Mệnh Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Đại Chủ Mệnh Như Lai.

阿難！

彼大主領如來復授一菩薩記。次當作佛號智勝如來。

A-nan ! Bỉ Đại Chủ Mệnh Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Trí Thắng Như Lai.

A Nan ! Đại Chủ Mệnh Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Trí Thắng Như Lai.

阿難！

彼智勝如來復授一菩薩記。次當作佛號普賢如來。

A-nan ! Bỉ Trí Thắng Như Lai phục thụ nhất Bồ-tát kí. Thứ đương tác Phật, hiệu Phổ Hiền Như Lai.

A Nan ! Trí Thắng Như Lai đó lại ghi nhớ ban cho một
Bồ Tát. Tiếp theo sẽ làm Phật, tên hiệu là Phổ Hiền
Như Lai.

佛本行集經卷第一

Phật Bản Hạnh Tập Kinh quyển đệ nhất.

Tập Kinh Hạnh gốc của Phật quyển thứ nhất.

=====

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần
Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huề dịch 1/2012.

=====

=====